

CÔNG TY TNHH THIÊN NINH

☎☎☎☎☎☎☎☎☎☎

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CƠ SỞ KHAI THÁC CÁT XÂY DỰNG TẠI MỎ CÁT
PHƯỚC THIÊN 4, XÃ PHƯỚC SƠN,
HUYỆN NINH PHƯỚC, TỈNH NINH THUẬN
CÔNG SUẤT KHAI THÁC: 20.000 M³/NĂM NGUYÊN KHỐI**

NINH THUẬN, NĂM 2024

CÔNG TY TNHH THIÊN NINH



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CƠ SỞ KHAI THÁC CÁT XÂY DỰNG TẠI MỎ CÁT
PHƯỚC THIỆN 4, XÃ PHƯỚC SƠN,
HUYỆN NINH PHƯỚC, TỈNH NINH THUẬN
CÔNG SUẤT KHAI THÁC: 20.000 M³/NĂM NGUYÊN KHỎI

CHỦ CƠ SỞ



NINH THUẬN, NĂM 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC BẢNG	v
DANH MỤC HÌNH.....	vi
Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	7
1.1. Tên chủ cơ sở.....	7
1.2. Tên cơ sở	7
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	10
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	10
1.3.2. Công nghệ khai thác của dự án.....	11
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	11
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp, điện, nước của cơ sở.....	11
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	12
1.5.1. Lịch sử hình thành của mỏ.....	12
1.5.3. Mỏ mỏ và trình tự khai thác.....	13
1.5.4. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình.....	14
1.5.5. Chế độ làm việc	14
1.5.6. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường.....	14
Chương II SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	16
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	16
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải	16
Chương III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	17
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	17
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	17
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải sinh hoạt.....	17

3.1.3. Xử lý nước thải	19
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	20
3.2.1. Giảm thiểu bụi từ hoạt động sàng tuyển, xúc bốc ở bãi tập kết.....	20
3.2.2. Giảm thiểu bụi trên tuyến đường vận chuyển.....	20
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.....	21
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	21
3.4.1. Công trình, biện pháp lưu giữ tạm CTNH	21
3.4.2. Các biện pháp xử lý chất thải nguy hại.....	22
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	23
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành.....	23
3.6.1. Phòng ngừa sự cố cháy nổ, sét đánh	23
3.6.2. Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	23
3.6.3. Biện pháp giảm thiểu nguy cơ sạt lở bờ sông.....	24
3.6.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tai nạn giao thông.....	24
3.6.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tai nạn lao động.....	24
3.7. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học	24
3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	25
Chương IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	27
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	27
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với bụi, khí thải:.....	27
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:.....	28
4.4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại.....	29
4.5. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất	29
Chương V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	30
5.1. Kết quả quan trắc định kỳ đối với bụi, khí thải, tiếng ồn.....	30
5.2. Kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải	30
Chương VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	33

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm	33
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	33
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thái, đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thái	33
6.2. Chương trình quan trắc chất thái (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	34
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ chất thái	34
6.2.2. Chương trình quan trắc môi trường tự động, liên tục chất thái	35
6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của Chủ cơ sở...35	
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	35
Chương VII KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....	36
Chương VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	37
8.1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường	37
8.2. Cam kết việc xử lý chất thái đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.....	37
PHỤ LỤC KÈM THEO BÁO CÁO.....	38

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CP	Cổ phần
CTNH	Chất thái nguy hại
DTM	Đánh giá tác động môi trường
DCTV	Địa chất Thủy văn
DCCT	Địa chất Công trình
DVC	Đường vận chuyển
DVT	Đơn vị tính
GSMT	Giám sát môi trường
KTXH	Kinh tế - Xã hội
Max	Giá trị lớn nhất
Min	Giá trị nhỏ nhất
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QL	Quốc lộ
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TL	Tỉnh lộ
TNMT	Tài nguyên môi trường
TNGT	Tai nạn giao thông
TP	Thành phố
UBND	Ủy ban nhân dân
UB MTTQ	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc
WHO	Tổ chức Y tế thế giới
VLXD	Vật liệu xây dựng
VSLĐ	Vệ sinh lao động
XDCB	Xây dựng cơ bản

DANH MỤC BẢNG

<i>Bảng 1.1. Tọa độ khu vực khai thác</i>	7
<i>Bảng 1.2. Tọa độ khu vực còn lại tiếp tục khai thác</i>	8
<i>Bảng 1.3. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của cơ sở</i>	12
<i>Bảng 3.1. Danh mục chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở</i>	22
<i>Bảng 3.2. Nội dung thay đổi so với cam kết bảo vệ môi trường</i>	26
<i>Bảng 4.1. Các thông số ô nhiễm</i>	27
<i>Bảng 4.2. Tọa độ cấp phép khí thải từ quá trình khai thác tại mỏ</i>	28
<i>Bảng 4.3. Thông số ô nhiễm và giới hạn cho phép đối với môi trường không khí xung quanh</i>	28
<i>Bảng 4.4. Tọa độ cấp phép tiếng ồn, độ rung từ quá trình khai thác tại mỏ</i>	28
<i>Bảng 4.5. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn</i>	29
<i>Bảng 4.6. Giá trị giới hạn đối với độ rung</i>	29
<i>Bảng 5.1. Kết quả quan trắc môi trường nước thải khu vực đợt 1/2022</i>	30
<i>Bảng 5.2. Kết quả quan trắc môi trường nước thải đợt 2/2022</i>	31
<i>Bảng 5.3. Kết quả quan trắc môi trường nước thải khu vực đợt 1/2023</i>	31
<i>Bảng 5.4. Kết quả quan trắc môi trường nước thải đợt 2/2023</i>	32
<i>Bảng 6.1. Danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm của cơ sở</i>	33
<i>Bảng 6.2. Thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải</i>	33
<i>Bảng 6.3. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải trong giai đoạn vận hành ổn định</i>	34

DANH MỤC HÌNH

<i>Hình 1.1. Sơ đồ công nghệ khai thác</i>	11
<i>Hình 3.1. Sơ đồ thoát nước của khu khai thác</i>	17
<i>Hình 3.2. Sơ đồ thoát nước của bãi tập kết</i>	Error! Bookmark not defined.
<i>Hình 3.3. Sơ đồ thoát nước thải sinh hoạt</i>	18
<i>Hình 3.4. Hình ảnh nhà vệ sinh và hố thu nước tại khu vực mỏ</i>	19
<i>Hình 3.5. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải sinh hoạt</i>	20
<i>Hình 3.6. Hình ảnh xe bồn tưới nước</i>	21
<i>Hình 3.7. Kho chất thải nguy hại tại khu vực mỏ</i>	22

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

- **Chủ cơ sở:** Công ty TNHH Thiện Ninh.
- **Địa chỉ văn phòng:** Thôn Phước Thiện 3, Xã Phước Sơn, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.
- **Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở:** Trần Thị Phượng.
- **Chức vụ:** Giám đốc.
- **Điện thoại:** 0918546889.
- **Giấy phép đăng ký kinh doanh số:** 4500652730 của Công ty TNHH Thiện Ninh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp chứng nhận lần đầu vào ngày 06 tháng 12 năm 2021, đăng ký thay đổi lần thứ 2 vào ngày 06 tháng 07 năm 2023.

1.2. Tên cơ sở

- **Tên cơ sở:** Cơ sở khai thác cát xây dựng tại mỏ cát Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.
- **Địa điểm cơ sở:** Khu vực khai thác thuộc bãi cát bồi bên phải bờ sông Dinh, thuộc địa phận thôn Phước Thiện 4 xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ theo giấy phép khai thác khoáng sản số 58/GP-UBND cấp ngày 05/08/2014 của UBND tỉnh Ninh Thuận cấp cho Công ty TNHH Việt Trung thì khu vực khai thác có diện tích 6,0 ha, được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ xác định (theo hệ VN 2000, kinh tuyến trục 108 độ 15 phút, múi chiếu 3 độ) theo bảng sau:

Bảng 1.1. Tọa độ khu vực khai thác

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục 108°15' múi chiếu 3°)	
	X (m)	Y (m)
1	1285713	567899
2	1285791	567995
3	1285838	568006
4	1285948	568504
5	1285945	568702
6	1285892	568848
7	1285850	568819
8	1285918	568711
9	1285861	568354
10	1285826	568237
11	1285659	567910
Diện tích : 6,0 ha		

(Nguồn: Theo giấy phép khai thác khoáng sản số 58/GP-UBND cấp ngày 05/08/2014 của UBND tỉnh Ninh Thuận)

Đến năm 2022, Công ty TNHH Việt Trung đã chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản mỏ cát xây dựng Phước Thiện 4 cho Công ty TNHH Thiện Ninh theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản theo Hợp đồng số 09/2022/HĐCN ngày 21/02/2022.

Theo đó, Công ty TNHH Thiện Ninh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 53/GP-UBND ngày 30/09/2022, diện tích khai thác là 4,5515 ha (đã chừa lại phần diện tích chông lẩn kê bờ sông) diện tích này đã được UBND tỉnh đồng ý cho thuê đất tại Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 12/04/2024 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc cho Công ty TNHH Thiện Ninh gia hạn thời hạn thuê đất để tiếp tục khai thác khoáng sản cát xây dựng tại mỏ cát Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận và Hợp đồng thuê đất số 34/HĐTD ngày 14/05/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận.

Diện tích khai thác tọa độ theo hệ tọa độ VN-2000 kinh tuyến trục $108^{\circ} 15'$, múi chiếu 3° , cụ thể như sau:

Bảng 1.2. Tọa độ khu vực còn lại tiếp tục khai thác

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục $108^{\circ} 15'$ múi chiếu 3°)	
	X (m)	Y (m)
1	1285948	568504
2	1285945	568702
3	1285892	568848
4	1285850	568819
5	1285918	568711
6	1285861	568354
7	1285826	568237
8	1285749	568087
9	1285844	568032
Diện tích : 4,5515 ha		

(Nguồn: Theo giấy phép khai thác khoáng sản số 53/GP-UBND cấp ngày 30/09/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận)

Ranh giới khu mỏ được giới hạn bởi các mặt tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp xã Nhơn Sơn.
- Phía Nam giáp đất nông nghiệp xã Phước Sơn.
- Phía Đông giáp mỏ Công ty TNHH Liên Minh.
- Phía Tây giáp mỏ Công ty TNHH Nhật Khánh Thịnh.

Mối tương quan của vị trí khu mỏ với các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội và các đối tượng khác

- Hệ thống giao thông: Điều kiện giao thông khu vực mỏ tương đối thuận lợi. Các QL.1A khoảng 15km, cách đường tỉnh lộ Cầu Mống đi Phước Sơn khoảng 1,5km.

Công ty đã làm đường cấp phối dài 1,2km; rộng 6m nối liền khu vực mỏ đến đường tỉnh lộ, các phương tiện lưu thông dễ dàng đến các huyện, thị trên địa bàn.

- Sông suối và các nguồn nước khác:

+ Sông Dinh bắt nguồn từ dãy núi cao E Lâm Thông giáp với tỉnh Lâm Đồng, chiều dài 130km, phần thượng lưu có tên là sông Tô Hạp. Từ ngã ba sông Tô Hạp thuộc xã Phước Bình hợp lưu với suối Gia Nhong thuộc xã Phước Hòa, con sông Dinh bắt đầu mang tên sông Cái. Trước khi đổ ra biển Đông, sông Dinh còn tiếp nhận các phụ lưu sông Ta Mo, sông Chá,... Hiện nay trên bản đồ khí tượng thủy văn con sông Dinh được gọi là sông Cái Phan Rang.

- Cấp điện: Dọc theo đường tỉnh lộ có tuyến đường điện 15KV phục vụ sản xuất công nghiệp và thắp sáng cho dân. Tại mỏ Công ty đã đầu tư 2 trạm biến áp 260KVA, đảm bảo cung cấp đủ nguồn điện cho sản xuất và sinh hoạt.

- Về dân cư: Nhân dân sinh sống ở đây chủ yếu là dân tộc kinh, chăm; nghề nghiệp chủ yếu là nông nghiệp, trình độ dân trí ở mức trung bình.

- Các cơ sở đang khai thác xung quanh khu vực mỏ:

+ Đối với hoạt động khai thác cát: Hiện tại sát khu vực dự án có một số công ty khai thác cát.

+ Đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp: Phía Tây khu vực mỏ là đất sản xuất nông nghiệp của Công ty Cổ phần giống cây trồng Nha Hồ, xung quanh là đất nông nghiệp của dân với các loại cây trồng chủ yếu như bắp, đậu và cây ăn quả.

Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án đầu tư:

- Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 11/06/2014 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt trữ lượng cát xây dựng trong Báo cáo kết quả thăm dò cát xây dựng Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước.

- Giấy phép khai thác khoáng sản số 58/GP-UBND cấp ngày 05/08/2014 của UBND tỉnh Ninh Thuận của Công ty TNHH Việt - Trung.

- Văn bản số 2048/SXD-KT&VLXD ngày 06/07/2017 của Sở xây dựng về việc tham gia ý kiến Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình khai thác cát xây dựng tại mỏ cát Phước Thiện 4 của Công ty TNHH Việt - Trung.

- Giấy phép khai thác khoáng sản số 53/GP-UBND cấp ngày 30/09/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận của Công ty TNHH Thiện Ninh.

- Quyết định số 679/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc thu hồi đất đã cho Công ty TNHH Việt - Trung thuê để khai thác khoáng sản cát xây dựng tại mỏ cát Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

- Giấy phép khai thác khoáng sản số 17/GP-UBND cấp ngày 28/03/2024 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản số 53/GP-UBND ngày 30/09/2022.

- Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 12/04/2024 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc cho Công ty TNHH Thiện Ninh gia hạn thời hạn cho thuê đất để tiếp tục khai thác khoáng sản cát xây dựng tại mỏ cát Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

- Hợp đồng thuê đất số 34/HĐTD ngày 14/05/2024 của UBND tỉnh Ninh Thuận.

Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần

- Thông báo số 114/TB-UBND ngày 14/07/2014 của UBND huyện Ninh Phước về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án khai thác cát xây dựng mỏ cát Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước.

- Quyết định số 3813/QĐ-STNMT ngày 13/11/2014 của UBND tỉnh Ninh Thuận về Phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án khai thác cát xây dựng tại mỏ cát Phước Thiện 4 thuộc xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

Quy mô của cơ sở:

+ Cơ sở khai thác cát xây dựng tại mỏ cát Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận, có tổng mức đầu tư **426.042.568 đồng** (Bốn trăm hai mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi một nghìn, năm trăm sáu mươi tám đồng) thuộc dự án đầu tư nhóm C được quy định tại khoản 1, Điều 10 Luật đầu tư công số 39/2019/QH13 và thuộc số thứ tự 9 mục III phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

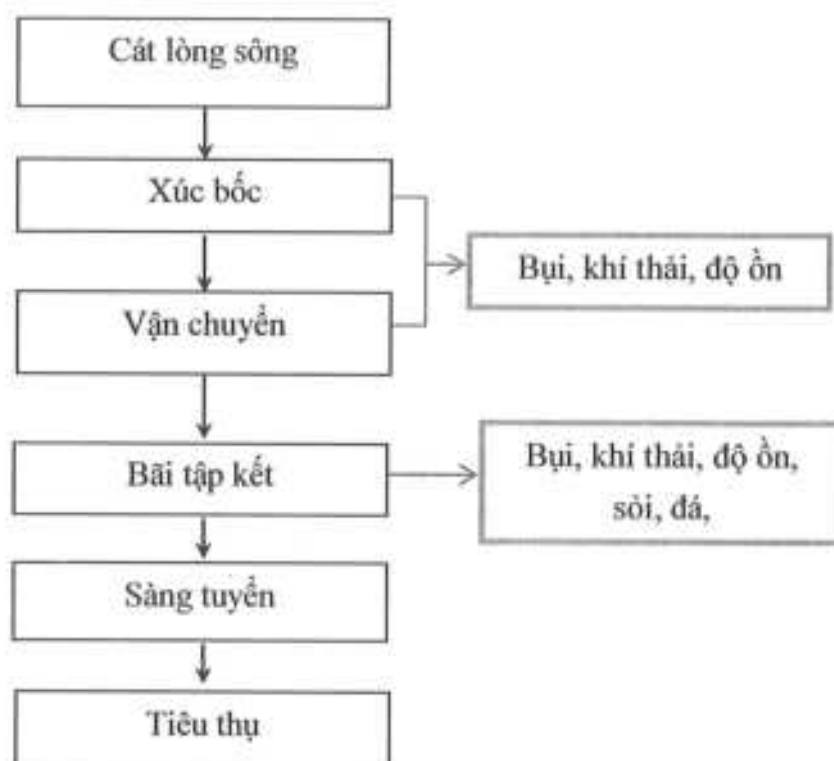
+ Theo quy định tại khoản 2 Điều 39, khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Dự án thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường và thẩm quyền cấp giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư là Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước; Theo khoản 3 Điều 28 nội dung chính của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường theo Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Công suất khai thác: 20.000 m³ cát nguyên khối/năm.

1.3.2. Công nghệ khai thác của dự án



Hình 1.1. Sơ đồ công nghệ khai thác

Sơ đồ công nghệ khai thác cát được mô tả như sau:

- Dùng máy xúc, xúc bốc cát lên ô tô ben, vận chuyển cát về bãi tập kết để sàng tuyển. Cơ sở sử dụng trạm sàng tuyển với công suất sàng là 25 m³/giờ. Cát sau khi sàng tuyển được xúc lên ô tô chờ đến bãi tập kết. Khi có nhu cầu của khách hàng sẽ được xúc lên xe vận chuyển đến nơi tiêu thụ.

- Công đoạn xúc bốc: Công ty sử dụng máy xúc thủy lực gầu ngược 1,25 m³/gầu xúc để xúc thành phẩm lên xe ô tô 6 tấn. Trong hoạt động này phát sinh chủ yếu là bụi và tiếng ồn, khí thải, chất thải rắn.

- Vận chuyển đến nơi tiêu thụ: để phù hợp với điều kiện thực tế mỏ và công suất khai thác lựa chọn, thiết bị vận tải sử dụng cho mỏ là ô tô 6 tấn.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm đầu ra của dự án là cát xây dựng. Công suất khai thác là 20.000 m³ cát nguyên khối/năm.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp, điện, nước của cơ sở

** Nhu cầu nhiên liệu:*

+ Nhiên liệu sử dụng cho các thiết bị trong mỏ được cung ứng bởi các đơn vị cung cấp trên địa bàn huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

+ Lượng nhiên liệu phục vụ cho các thiết bị trong khai thác gồm dầu diesel và dầu mỡ bôi trơn, lượng nhiên liệu tiêu thụ: dầu diesel 17.686lít/năm; dầu mỡ bôi trơn 531 kg/năm.

*** Nhu cầu điện năng:**

- Nhu cầu điện năng cho mỏ chủ yếu cung cấp cho khâu sàng tuyển và khâu chiếu sáng. Nhu cầu điện năng tiêu thụ: 46.620 kwh/năm.

- Biện pháp cấp điện cho mỏ:

+ Để cung cấp điện cho các phụ tải cho mỏ, cần thiết đầu tư một trạm biến thế trọn bộ 35/6KV công suất 75 KVA.

+ Dọc theo đường tỉnh lộ có tuyến đường điện 15KV phục vụ cho sản xuất công nghiệp và thắp sáng cho dân.

+ Tại mỏ đã đầu tư 2 trạm biến áp 260KVA, đảm bảo cung cấp đủ nguồn điện cho sản xuất và sinh hoạt.

*** Nhu cầu nước:**

+ Nước phục vụ cho mỏ chủ yếu là nhu cầu nước sinh hoạt cho 8 người hoạt động trên mỏ;

+ Nước cho sinh hoạt: Tổng lượng nước sử dụng 0,48 m³/ngày.đêm;

+ Nước sử dụng cho tưới đường, công tác khác: Lượng nước phục vụ cho công tác tưới đường, công tác khác tạm tính là 3m³/ngày.đêm;

+ Tổng lượng nước cho toàn mỏ là Q = 3,8 m³/ngày.đêm;

- Phương án cung cấp nước cho mỏ, dùng máy bơm, bơm nước từ sông Dinh về khu điều hành, tiến hành xử lý trước khi sử dụng.

- Công ty sử dụng xe bồn để phục vụ cho việc tưới đường.

Bảng 1. 3. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của cơ sở

TT	Nhu cầu sử dụng nước	Khối lượng (m ³ /ngày.đêm)
1	Nước sinh hoạt	0,48
2	Nước tưới đường	3,0
Tổng		3,48

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.5.1. Lịch sử hình thành của mỏ

Năm 2014 Công ty TNHH Việt Trung đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy phép khai thác số 58/GP-UBND ngày 05/08/2014, về việc cho phép Công ty TNHH Việt Trung khai thác khoáng sản cát xây dựng bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ cát Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận, trên diện tích khai thác là 6ha.

Đến năm 2022, Công ty TNHH Việt Trung đã chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản mỏ cát xây dựng Phước Thiện 4 cho Công ty TNHH Thiện Ninh theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản theo Hợp đồng số 09/2022/HDCN ngày 21/02/2022.

Theo đó, Công ty TNHH Thiện Ninh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 53/GP-UBND ngày 30/09/2022, diện tích khai thác là 4,5515 ha (đã chừa lại phần diện tích chông lấn kè bờ sông), thời hạn khai thác đến hết ngày 19 tháng 01 năm 2023. Tại thời điểm hết hạn Giấy phép khai thác khoáng sản số 53/GP-UBND ngày 30/09/2022, Công ty xin gia hạn giấy phép và đã được UBND tỉnh Ninh thuận cấp Giấy phép gia hạn khai thác khoáng sản số 17/GP-UBND ngày 28/03/2024 với thời hạn 01 năm kể từ ngày cấp gia hạn giấy phép.

1.5.2. Trữ lượng và tuổi thọ mỏ

Căn cứ theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 53/GP-UBND ngày 30/0/2022 trữ lượng khai thác tại mỏ cát Phước Thiện 4 là: 48.376 m³. Thời hạn khai thác: đến hết ngày 19/01/1023.

Tuy nhiên, đến hết thời hạn khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 53/GP-UBND ngày 30/0/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, Công ty đã xin gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản và đã được UBND tỉnh cấp Giấy phép gia hạn số 17/GP-UBND ngày 28/03/2024. Theo đó trữ lượng tiếp tục khai thác là 39.404 m³. Thời hạn gia hạn: 01 năm kể từ ngày cấp gia hạn giấy phép.

1.5.3. Mở mỏ và trình tự khai thác

a) Mở mỏ :

Do mỏ đã đi vào hoạt động, do vậy công tác mở mỏ đã được tiến hành từ giai đoạn trước, tuy nhiên sau mỗi mùa mưa để mỏ hoạt động trở lại cần cải tạo hạng mục tuyến đường mở mỏ, dọn sạch moong khai thác.

b) Trình tự khai thác:

- Do đặc điểm khu vực mỏ cát để tiến hành khai thác sẽ chia khu mỏ thành những block theo chiều ngang khu vực mỏ hướng vuông góc với dòng sông, sau khi hành thành khu vực khai thác, trình tự khai thác được tiến hành từ trên xuống dưới hết chiều sâu thân cát. Cần ưu tiên mở moong khai thác phía Tây mỏ dọc theo dòng, để khai thông dòng chảy vào mùa lũ. Khai thông dòng chảy phía đầu bãi bồi để giảm bớt áp lực dòng chảy xâm thực vào bờ đoạn cong của dòng sông Dinh, thôn Phước Thiện 4.

c) Hệ thống khai thác:

Để phù hợp với quy mô công suất, thiết kế lựa chọn, áp dụng hệ thống khai thác theo lớp bằng. Với điều kiện địa hình của mỏ cát bằng phẳng ta dùng máy xúc khẩu trực tiếp các lớp cát theo chiều dày của vỉa đến đáy khai trường Công nghệ khai thác bao gồm hai khâu chính: Khâu xúc bốc và khâu vận tải.

Các thông số của hệ thống khai thác:

- Chiều cao tầng khai thác cát sỏi: $h = 1,0 \div 3,5m$.
- Góc dốc tầng khai thác: $a = 27^0$.
- Chiều rộng một block: $B = 20m$.

1.5.4. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình

Tổng mặt bằng mỏ có diện tích 6,45 ha được bố trí các hạng mục:

- Khai trường khai thác diện tích 6,0 ha.
- Khu trạm sàng tuyển, khu điều hành (gồm các hạng mục: Nhà điều hành, nhà vệ sinh, khu vực kho tạm, bể nước, vườn hoa, bãi đỗ thiết bị của mỏ) với diện tích 0,45 ha.

Khu công trình phụ trợ của mỏ như sau:

*** Nhà vệ sinh:**

Với diện tích khu nhà vệ sinh $6m^2$ đặt cạnh nhà điều hành. Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được xử lý bằng bể tự hoại xây phía dưới khu vực nhà vệ sinh với dung tích bể $2,25m^3$, kích thước: $1,5m \times 1m \times 1,5m$.

*** Kho chứa chất thải nguy hại:**

Bố trí 01 kho chứa chất thải nguy hại ngay cạnh khu điều hành với diện tích $9m^2$; kết cấu: dài 3m, rộng 3m, cao 3m; nền xi măng, tường và mái bằng tôn.

*** Bể tự hoại:**

Bể tự hoại với dung tích $2,25m^3$ (kích thước $L \times B \times H = 1,5 \times 1 \times 1,5m$). Kết cấu bể xây bằng gạch, mặt ngoài và mặt trong của bể được trát vữa xi măng, có trát lớp xi măng nguyên chất để chống thấm cho toàn bể. Nước sau bể tự hoại được đưa về hồ thu. Kích thước hồ thu: đường kính x chiều sâu = $1m \times 1,5m$.

1.5.5. Chế độ làm việc

Với đặc thù của mỏ cát Phước Thiện 4 nằm gần như toàn bộ dưới mực nước, do vậy để đảm bảo công tác khai thác chỉ tiến hành vào mùa khô, do vậy chế độ của mỏ được quy định như sau:

- Số tháng làm việc trong năm: 8 tháng.
- Số ngày làm việc trong tháng: 24 ngày.
- Số ca hoạt động trong ngày: 1 ca (8 giờ).
- Vậy số ngày hoạt động trong năm là: 185 ngày.

1.5.6. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

a. Nội dung Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

Cơ sở đã được phê duyệt phương án cải tạo, Phục hồi môi trường theo Quyết định số 3813/QĐ-STNMT ngày 13/11/2014 của UBND tỉnh Ninh Thuận Về việc phê duyệt Đề án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án khai thác cát xây dựng tại mỏ cát Phước Thiện 4 thuộc xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận như sau:

- *Đối với đoạn đường vận chuyển cát:*

+ San gạt đoạn đường vận chuyển cát (đoạn 2C) dài 200m; rộng 7,5m chạy dọc bờ sông từ khu vực sàng cát đến mép bờ sông tại vị trí khu vực moong khai thác từ năm thứ tư trở đi.

+ Phá bỏ và san gạt bằng với cao trình đáy sông trước khi khai thác đối với các đoạn đường nhánh vận chuyển cát từ mép bờ sông đến ranh giới khu vực khai thác với tổng chiều dài các đoạn đường là 65,5m và chiều rộng mỗi đoạn đường là 7,5m.

- *Đối với khu vực sàng cát và các công trình phụ trợ:* Tháo dỡ nhà làm việc, nhà bảo vệ trạm sàng cát, trạm biến áp và vận chuyển các loại máy móc, thiết bị và chất thải xây dựng ra khỏi khu vực mỏ. San gạt bằng phẳng toàn bộ diện tích khu vực sàng cát và các công trình phụ trợ với diện tích san gạt là 4.500m², chiều sâu san gạt là 0,4m và khối lượng san gạt là 1.800m³.

b. Kinh phí tái tạo, phục hồi môi trường

- Công tác ký quỹ, cải tạo PHMT: theo Quyết định số 3813/QĐ-STNMT ngày 13/11/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Đề án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án khai thác cát xây dựng tại mỏ cát Phước Thiện 4 thuộc xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận là **47.048.000 đồng** (Bốn mươi bảy triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Số lần ký quỹ là 6 lần.

- Chủ cơ sở đã thực hiện ký quỹ, cải tạo phục hồi môi trường tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Ninh Thuận

- Đơn vị nhận ký quỹ: Theo điểm a, khoản 4, điều 137, Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14, Công ty thực hiện ký quỹ tại Quỹ Bảo vệ Môi trường của Tỉnh Ninh Thuận.

Chủ cơ sở đã hoàn tất ký quỹ, cải tạo phục hồi môi trường (tại Quỹ Bảo vệ Môi trường của Tỉnh Ninh Thuận) cho cơ sở khai thác cát xây dựng tại mỏ cát Phước Thiện 4 thuộc xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận với tổng số tiền là **51.683.816 đồng** (Năm mươi một triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn tám trăm mười sáu đồng) (Số tiền nêu trên đã bao gồm yếu tố trượt giá).

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cơ sở phù hợp với Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 10/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

Mỏ khai thác cát xây dựng tại mỏ cát Phước Thiện 4 phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Quyết định 350/QĐ-UBND ngày 23/06/2022 phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Phước Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Về sự phù hợp với phân vùng môi trường:

Phù hợp với quy định về giới hạn các thông số và nồng độ ô nhiễm chính có trong nước thải. Nước thải tại cơ sở chủ yếu là nước thải sinh hoạt. Nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý sau đó tái sử dụng.

Các công tác bảo vệ môi trường tại cơ sở được thực hiện nghiêm túc theo Báo cáo cam kết bảo vệ môi trường đã được phê duyệt. Chất thải được kiểm soát, xử lý, giảm thiểu tác động tại nguồn nên không gây ô nhiễm ảnh hưởng lớn tới môi trường.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải phát sinh chủ yếu là nước thải sinh hoạt của công nhân thi công tại công trình. Tuy nhiên, lượng nước thải sinh hoạt tại dự án là rất ít, mức độ tác động đến môi trường không đáng kể. Công ty đã xây dựng bể tự hoại 3 ngăn để xử lý nước thải của công nhân làm việc tại mỏ.

- Môi trường không khí: Khi cơ sở vận hành hoạt động chủ yếu phát sinh bụi, CO, SO₂, NO₂, tiếng ồn, độ rung. Do đó, căn cứ theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bảo vệ môi trường:

- QCVN 02/2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng về độ rung.

Chủ đầu tư sẽ tuân thủ, chịu trách nhiệm về công tác đảm bảo môi trường theo các quy chuẩn nêu trên.

Chương III

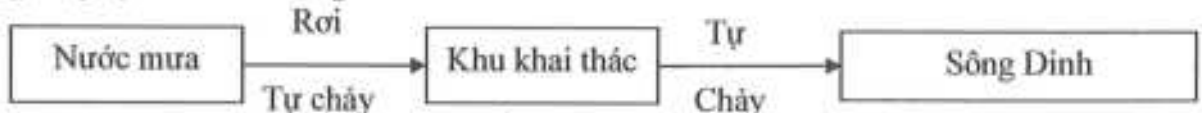
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

❖ Khu khai thác

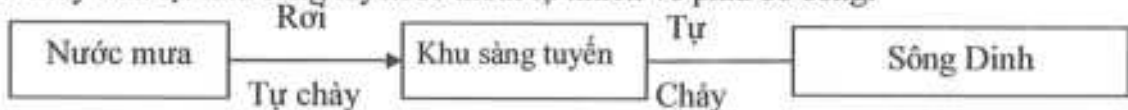
Vị trí khai thác là một phần của bãi cát bồi lòng sông Dinh, lượng nước chảy vào mỏ chính là nước của lòng sông. Nước mưa rơi vào khu vực khai thác sẽ chảy theo dòng chảy tự nhiên của sông.



Hình 3.1. Sơ đồ thoát nước của khu khai thác

❖ Bãi sàng tuyển

Dự án bố trí khu sàng tuyển có địa hình nghiêng tự nhiên về phía bờ sông. Nước mưa rơi vào khu sàng tuyển sẽ từ địa hình cao chảy về địa hình thấp hơn nên nước mưa chảy tràn tại khu sàng tuyển sẽ thoát tự nhiên về phía bờ sông.



Hình 3.2. Sơ đồ thoát nước của Khu sàng tuyển

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải sinh hoạt

* Công trình thu gom nước thải sinh hoạt:

- Hiện nay tại khu vực văn phòng mỏ đã có nhà vệ sinh để phục vụ nhân viên, công nhân sinh hoạt. Tổng số lao động tại mỏ khi hoạt động khai thác đạt 100% công suất là 8 người.

+ Kích thước nhà vệ sinh: dài x rộng x cao = 2m x 3m x 3,5m.

+ Kết cấu: nền lát gạch chống trơn trượt, xung quanh tường ốp gạch ceramic (30x40), mái bằng tôn.

- Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom bằng các ống dẫn PVC90 về bể tự hoại xây phía dưới khu vực nhà vệ sinh. Các thông số kỹ thuật của bể tự hoại như sau:

+ Kích thước của bể: dài x rộng x sâu = 1,5m x 1m x 1,5 m, dung tích: 2,25m³.

+ Kết cấu của các ngăn bể tự hoại: bể xây bằng gạch, gạch đặc mác 75, vữa xi măng cát vàng M75. Mặt ngoài và mặt trong của bể được trát vữa xi măng cát vàng mác 75, dày 20mm, có trát lớp xi măng nguyên chất để chống thấm cho toàn bộ bể.

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau xử lý được thu gom vào 01 hố thu bố trí cạnh khu vực bể tự hoại.

+ Kích thước hố thu: đường kính x chiều sâu = Ø1m x 1,5m

+ Kết cấu hồ thu: làm từ bê tông cốt thép, độ dày lớp bê tông khoảng 100-120mm, dung tích 1,178m³.

* Công trình thoát nước thải sinh hoạt:

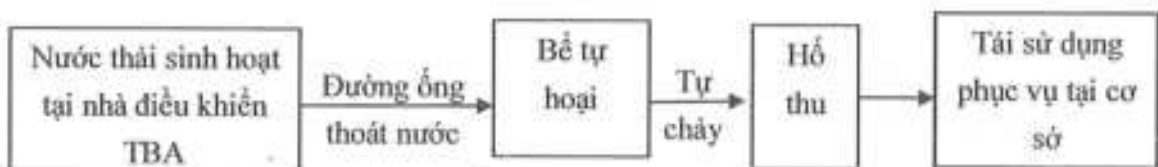
- Lượng nước trong hồ thu sẽ được Công ty tận dụng lại để tái sử dụng phục vụ các hoạt động khác trong khuôn viên dự án (làm mát, tưới đường, ...) không xả thải ra môi trường.

- Điểm xả nước thải sinh hoạt sau xử lý: hồ thu đặt sau khu vực bể tự hoại. Tọa độ vị trí xả thải X = 1285 667 Y = 568 147 (hệ VN 2000, kinh tuyến trục 108°15', múi chiều 3°), nằm trong diện tích mô. Điểm xả có tọa độ, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

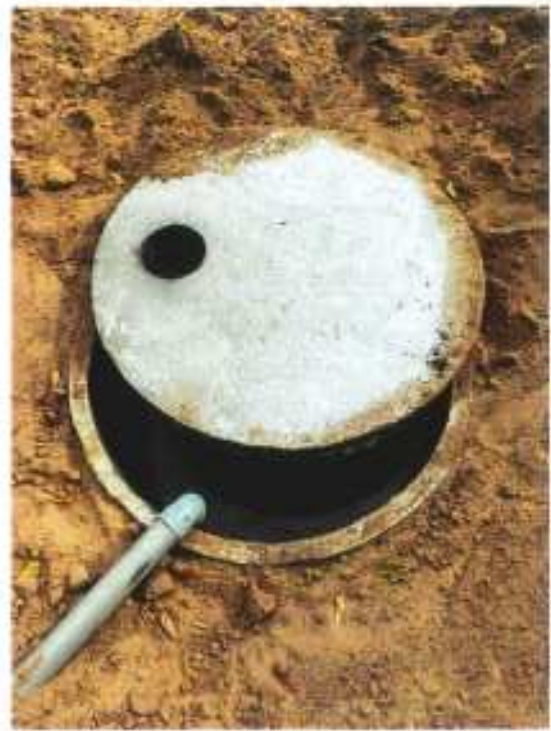
- Đánh giá sự đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua bể tự hoại đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (cột B), được thu gom, lưu chứa và tận dụng để phục vụ các hoạt động khác trong khuôn viên mô, không xả thải ra môi trường.

- Nguồn tiếp nhận nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt sau xử lý được thu gom, lưu chứa tại hồ thu có dung tích chứa 1,178 m³ được bố trí phía sau khu nhà vệ sinh của khu văn phòng. Lượng nước tại hồ thu nước này sẽ được tận dụng để phục vụ các hoạt động khác trong khuôn viên dự án (làm mát, tưới đường, ...) không xả thải trực tiếp ra môi trường.

- Sơ đồ thu gom xử lý nước thải khu sinh hoạt tại mô như sau:



Hình 3.3. Sơ đồ thoát nước thải sinh hoạt



Hình 3.4. Hình ảnh nhà vệ sinh và hố thu nước tại khu vực mỏ cát

3.1.3. Xử lý nước thải

Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày tối đa khoảng $0,48\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ được thu gom và xử lý bằng 01 bể tự hoại 3 ngăn có kích thước dài x rộng x sâu = $1,5\text{m} \times 1\text{m} \times 1,5\text{m}$, dung tích $4,56\text{m}^3$. Kết cấu bể xây bằng gạch, gạch đặc mác 75, vữa xi măng cát vàng M75. Mặt ngoài và mặt trong của bể được trát vữa xi măng cát vàng mác 75, dày 20mm, có trát lớp xi măng nguyên chất để chống thấm cho toàn bộ bể.

- Nguyên lý làm việc bể tự hoại 3 ngăn: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh và bồn rửa tay được đưa trực tiếp xuống bể tự hoại 3 ngăn để thực hiện quá trình xử lý sơ bộ bằng cách lắng cặn và phân hủy cặn lắng. Bể tự hoại 3 ngăn gồm: 1 ngăn chứa, 1 ngăn lắng và 1 ngăn lọc.

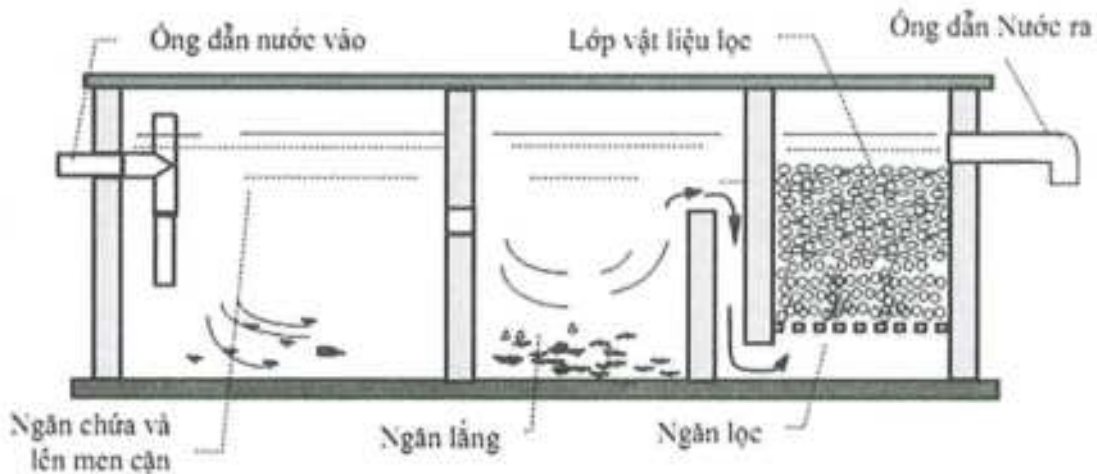
+ Ngăn chứa: Nước thải có chứa cặn được chảy vào ngăn này sau một thời gian cặn sẽ phân hủy thành bùn. Còn nước thải chảy tràn qua ngăn lắng.

+ Ngăn lắng: Tại đây các cặn lơ lửng được nước mang theo khi chảy tràn qua ngăn lắng sẽ được lắng xuống đáy bể, còn nước thải sẽ tiếp tục chảy tràn qua ngăn lọc.

+ Ngăn lọc: Tại đây có gắn lớp vật liệu lọc để làm sạch nước trước khi nước được chảy ra ngoài.

- Công tác kiểm tra, vận hành: Tối thiểu 6 tháng 1 lần, Công ty sẽ kiểm tra tình trạng làm việc của bể: Kiểm tra các đường ống, tường và vách ngăn, nắp bể, kiểm tra mực nước, sự xuất hiện các vết nứt, rò rỉ, sụt lún... Việc kiểm tra cũng thực hiện ngay khi trước và sau khi hút hầm vệ sinh do cán bộ kỹ thuật của Công ty thực hiện.

- *Phương án xử lý nước thải:* Nước thải sau khi được xử lý bằng bể tự hoại được lưu chứa tại hồ thu và tái sử dụng cho tưới cây trong khuôn viên mỏ, còn đối với bùn thải Công ty đã hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý theo quy định.



Hình 3.5. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải sinh hoạt

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Giảm thiểu bụi từ hoạt động sàng tuyển, xúc bốc ở bãi tập kết

Vì cát trong quá trình khai thác có độ ẩm cao nên lượng bụi phát sinh từ hoạt động này không đáng kể, tuy nhiên chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp để giảm thiểu tác động như sau:

- Không tồn lưu lâu ngày, cũng như tập kết cát thành phẩm quá chiều cao quy định.

3.2.2. Giảm thiểu bụi trên tuyến đường vận chuyển

- Công ty sử dụng 01 xe bồn 3m³ với biển số 85T-2527 phun nước dập bụi trên đường vận chuyển trong những ngày nắng với tần suất 2-4 lần/ngày.

- Nguồn nước phục vụ cho công tác tưới đường dập bụi hàng ngày sẽ được Công ty bơm nước từ Sông Dinh và tiến hành xử lý bằng bộ lọc cát trước khi sử dụng.

- Trong quá trình vận chuyển, sử dụng bạt che kín các phương tiện để tránh rơi vãi đất, phát sinh bụi.

- Ưu tiên tối đa việc vận chuyển cát thành phẩm đi tiêu thụ khi còn ẩm.

- Đảm bảo tốc độ quy định khi vận chuyển trên dọc tuyến đường từ khu vực khai thác lên bãi tập kết và từ bãi tập kết đi tiêu thụ.

- Không chuyên chở nguyên vật liệu vượt quá tải trọng.

- Bố trí thời gian vận chuyển hợp lý (*cụ thể chỉ vận chuyển trong thời gian từ 07h sáng đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h*); đảm bảo đúng tốc độ quy định khi đi qua các khu dân cư.



Hình 3.3. Hình ảnh xe bồn tưới nước

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- Lượng chất thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình tại dự án khoảng 4 kg/ngày tương đương 96 kg/tháng.

- Công ty đã thực hiện tổ chức thu gom, phân loại theo hướng dẫn kỹ thuật phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại Văn bản số 9368/BTNMT – KSONMT của Bộ tài nguyên và Môi trường ngày 02/11/2023 và Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 01/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Quy định về quản lý chất thải và thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ hoạt động quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận như sau:

+ Nhóm 1: Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế như giấy thải, vỏ chai, nhựa, kim loại,.... Đối với những chất thải này, Công ty thu gom vào các bao bì. Khi đủ khối lượng, nhân viên sẽ chuyển giao cho đơn vị có chức năng.

+ Nhóm 2: Chất thải thực phẩm. Công ty bố trí 01 thùng phuy, kích thước 891mm x Ø572mm, dung tích 200L để lưu chứa nhóm chất thải này như thức ăn thừa, thực phẩm hết hạn sử dụng, các loại rau, củ, quả, trái cây và các phế thải bỏ sau khi sơ chế,....

+ Nhóm 3: Chất thải rắn sinh hoạt khác. Các chất thải còn lại không bao gồm các nhóm chất thải trên được thu gom chứa đựng trong các bao bì riêng biệt.

Tại dự án bố trí các bao bì và 01 thùng phuy để thu gom chất thải sinh hoạt, có kích thước 891mm x Ø572mm, dung tích 200L.

Cuối ngày, công nhân tại mô sẽ thu gom và vận chuyển đến điểm tập trung rác của xã Phước Sơn cho đội vệ sinh của địa phương vận chuyển đi xử lý.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

3.4.1. Công trình, biện pháp lưu giữ tạm CTNH

- Công ty đã xây dựng kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 9m². Chủ dự án đã thực hiện dán nhãn từng loại CTNH lên mỗi thùng chứa nhằm phân loại.

+ Kết cấu: nền trát vữa xi măng cát vàng mác 75, dày 20mm, có trát lớp xi măng nguyên chất để chống thấm, nền cao ... , tường và mái bằng tole.

+ Kích thước: dài 3m x rộng 3m x cao 3m.

- Kho chứa chất thải nguy hại được xây dựng theo đúng quy định. Tất cả CTNH phát sinh tại mỏ được thu gom, phân loại và lưu giữ theo đúng quy định và chứa trong 05 thùng phuy 200L, kích thước (D×H = Ø572mm×891mm) để thu gom chất thải nguy hại bao gồm dầu nhớt, thùng chứa giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn,...

- Theo định kỳ Công ty sẽ thống kê khối lượng từng loại CTNH phát sinh.

Bảng 3.1. Danh mục chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng phát sinh (kg/năm)
1	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	2
2	Giẻ lau dính dầu mỡ	18 02 01	Rắn	5
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	1,0
4	Dầu nhớt thải	17 02 03	Lỏng	40
	Tổng			48

Các loại chất thải nguy hại trên đều được Công ty thu gom phân loại và có nơi chứa riêng, bỏ vào thùng theo từng chủng loại, tập kết lại tại kho chứa CTNH trong mỏ, có lập mái che, tường bao và đặt biển báo về đặc tính nguy hại của chất thải.

3.4.2. Các biện pháp xử lý chất thải nguy hại

Tất cả các loại CTNH phát sinh đều được công ty thu gom và lưu trữ tại kho chứa chất thải. Công ty cam kết sẽ ký hợp đồng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại với đơn vị đơn vị chức năng có đủ điều kiện và giấy phép hành nghề trong công tác vận chuyển, thu gom, xử lý chất thải nguy hại.



Hình 3.4. Kho chất thải nguy hại tại khu vực mỏ

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn phát sinh từ quá trình vận chuyển, bốc xúc. Vì vậy để giảm tiếng ồn chủ dự án thực hiện các công việc như bố trí máy móc thiết bị làm việc ở những khoảng cách thích hợp, không tập trung tiếng ồn trong một khu vực. Lập kế hoạch thi công hợp lý để đạt tiêu chuẩn cho phép; thường xuyên kiểm tra, tu sửa máy móc thiết bị phục vụ thi công định kỳ.

- Để đảm bảo sức khỏe, giờ nghỉ của nhân công làm việc tại dự án và các hộ dân sống xung quanh khu vực khai thác, thời gian vận chuyển và hoạt động của các phương tiện bố trí một cách phù hợp. Không hoạt động trong thời gian: Trưa từ 11h30 đến 13h30, chiều từ 18h30 đến 06h sáng hôm sau.

- Khai thác theo đúng thiết kế mỏ đã được phê duyệt.

- Bảo trì phương tiện, máy móc định kỳ. Bảo dưỡng máy móc, tra dầu mỡ tại các bộ phận tiếp xúc gây ồn của các máy móc, thiết bị.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

3.6.1. Phòng ngừa sự cố cháy nổ, sét đánh

Để phòng chống khả năng cháy nổ, sét đánh, Công ty áp dụng các biện pháp sau:

- Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH, nâng cao nhận thức và trách nhiệm cho người lao động về nguyên nhân, điều kiện, tác hại của cháy, nổ, sự cố tai nạn.

- Tổ chức huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy cho lực lượng PCCC cơ sở và những người làm việc trong môi trường nguy hiểm cháy, nổ theo quy định của Luật PCCC.

- Trang bị đầy đủ phương tiện chữa cháy ban đầu như bình chữa cháy.

- Thường xuyên kiểm tra mức độ an toàn của các hệ thống thiết bị điện, kho chứa nguyên, nhiên liệu dễ cháy và hệ thống thiết bị phòng cháy, chữa cháy.

- Để phòng ngừa sự cố sét đánh: Chủ đầu tư nắm bắt chế độ thời tiết trong quá trình thi công, trước mỗi thời điểm có dông sẽ dừng các hoạt động thi công, vận hành các máy móc thiết bị, tổ chức thu dọn sạch khu vực thi công.

3.6.2. Biện pháp đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác

Để đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác, chủ dự án sẽ có những biện pháp sau:

- Phổ biến và thực hiện nghiêm túc các quy định về nội quy an toàn lao động cho công nhân và nhân dân trong khu vực.

- Có cán bộ thường xuyên kiểm tra an toàn lao động;

- Các đường dây dẫn điện tạm trên công trường được kiểm tra thường xuyên nhất là khi thi công vào mùa mưa bão;

- Công nhân phải trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động như: quần áo bảo hộ lao động, mũ, găng tay, ủng,...

3.6.3. Biện pháp giảm thiểu nguy cơ sạt lở bờ sông

- Thực hiện nạo vét, tận thu cát theo đúng phạm vi vị trí thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, cấp phép.

- Đóng cọc, lắp đặt phao tiêu, biển báo phạm vi nạo vét 02 bên trước khi tiến hành nạo vét.

- Trong quá trình nạo vét nếu có dấu hiệu sạt lở thì phải dừng việc nạo vét và báo cho các cơ quan có liên quan phối hợp giải quyết.

3.6.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tai nạn giao thông

- Thời gian vận chuyển và hoạt động của các phương tiện sẽ được bố trí một cách phù hợp.

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng tuyến đường vận chuyển các trên địa bàn xã và phối hợp với chính quyền địa phương.

3.6.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tai nạn lao động

- Bắt buộc công nhân phải tuân thủ các quy định về an toàn lao động, luật bảo hộ lao động.

- Cập nhật thông tin thường xuyên về thủy văn dòng sông đang khai thác để có biện pháp ứng phó kịp thời.

- Trang bị đầy đủ các vật dụng bảo hộ lao động cho công nhân.

3.7. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học

a. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

Dự án đã được phê duyệt phương án cải tạo, Phục hồi môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 3813/QĐ-STNMT ngày 13/11/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Đề án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án khai thác cát xây dựng tại mỏ cát Phước Thiện 4 thuộc xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận cụ thể như sau:

- Đối với đoạn đường vận chuyển cát

+ San gạt đoạn đường vận chuyển cát (đoạn 2C) dài 200m, rộng 7,5m chạy dọc bờ sông từ khu vực sàng cát đến mép bờ sông tại vị trí khu vực moong khai thác từ năm thứ tư trở đi.

+ Phá bỏ và san gạt bằng với cao trình đáy sông trước khi khai thác đối với các đoạn đường nhánh vận chuyển cát từ mép bờ sông đến ranh giới khu vực khai thác với tổng chiều dài đoạn đường là 65,5m và chiều rộng mỗi đoạn đường là 7,5m.

- Đối với khu vực sàng cát và các công trình phụ trợ

+ Tháo dỡ nhà làm việc, nhà bảo vệ trạm sàng cát, trạm biến áp và vận chuyển các loại máy móc, thiết bị và chất thải xây dựng ra khỏi khu vực mỏ. San gạt bằng phẳng toàn bộ diện tích khu vực sàng cát và các công trình phụ trợ với diện tích san gạt là 4.500m², chiều sâu san gạt là 0,4m và khối lượng san gạt là 1.800m³.

b. Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

Theo Quyết định số 3813/QĐ-STNMT ngày 13/11/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Đề án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án khai thác cát xây dựng tại mỏ cát Phước Thiện 4 thuộc xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận, kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường của mỏ là **47.048.000 đồng** (Bốn mươi bảy triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Số lần ký quỹ là 6 lần.

Chủ cơ sở đã hoàn tất ký quỹ, cải tạo phục hồi môi trường (tại Quỹ Bảo vệ Môi trường của Tỉnh Ninh Thuận) cho cơ sở khai thác cát xây dựng tại mỏ cát Phước Thiện 4 thuộc xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận với tổng số tiền là **51.683.816 đồng** (Năm mươi một triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn tám trăm mười sáu đồng) (Số tiền nêu trên đã bao gồm yếu tố trượt giá).

3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Cơ sở đã được UBND huyện Ninh Phước cấp Giấy xác nhận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường số 114/TB-UBND ngày 14/07/2014 về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án khai thác cát xây dựng mỏ cát Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước. Tuy nhiên, trong hoạt động thực tế có sai khác so với nội dung tại bản cam kết bảo vệ môi trường. Cụ thể như sau:

Bảng 3.2. Nội dung thay đổi so với cam kết bảo vệ môi trường

STT	Nội dung thay đổi	Theo Bản cam kết bảo vệ môi trường đã phê duyệt tại Giấy xác nhận số 114/TB-UBND	Kết quả thực hiện	Đánh giá tác động từ việc thay đổi
1	Diện tích khu vực khai thác	6,0 ha	4,5515 ha	Vì lý do chông kè bờ sông nên UBND tỉnh đã điều chỉnh lại ranh giới khu vực khai thác. Theo đó Công ty đã được UBND tỉnh cấp GPKT số 53/GP-UBND trên diện tích 4,5515 ha -> Cơ sở giảm diện tích khai thác, giám quy mô tác động đến môi trường.
2	Công trình xử lý bụi từ quá trình chế biến sàng cát	Làm ẩm cát trực tiếp bằng hệ thống máy bơm và ống dẫn phun để giảm lượng bụi phát sinh	Không sử dụng hệ thống máy bơm và ống dẫn phun để làm ẩm cát	Do hiện trạng thực tế trong quá trình khai thác, cát sau khi được khai thác vẫn còn ẩm (cát lòng sông) nên công ty điều chỉnh không bố trí hệ thống máy bơm và ống dẫn phun để làm ẩm cát.
3	Công trình xử lý nước thải sinh hoạt	Nước thải sinh hoạt tại nhà vệ sinh có bề tự hoại 3 ngăn thể tích 2,25m ³ với kích thước (LxBxH= 1,5m x 1m x 1,5 m) để thu gom và xử lý lượng nước thải phát sinh này, nước sau xử lý cho thấm rút xuống đất.	Nước thải sinh hoạt tại nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn thể tích 2,25m ³ với kích thước (LxBxH= 1,5m x 1m x 1,5 m). Nước thải sau xử lý được thu gom và lưu chứa tại hố thu có dung tích chứa 1,178 m ³ ,kích thước (DxH= Ø1m x 1,5m). Lượng nước tại hố thu nước này sẽ được tận dụng để phục vụ các hoạt động khác trong khuôn viên dự án (làm mát, tưới đường, ...), không xả thải trực tiếp ra môi trường.	- Lý do thay đổi: Chủ dự án bố trí nhà vệ sinh và bể tự hoại theo nhu cầu của mô, đồng thời vẫn đảm bảo xử lý nước thải đáp ứng tiêu chuẩn nước thải đầu ra. - Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua bể tự hoại được thu về hố thu và tái sử dụng tại Nhà máy, không xả thải ra bên ngoài → Thay đổi tích cực so với Kế hoạch đã phê duyệt. Không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- **Nguồn phát sinh nước thải:** nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của công nhân.

- **Lưu lượng nước thải sinh hoạt:** 0,48 m³/ngày.đêm; tương đương 0,02 m³/giờ.

- **Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận:** Trong quá trình hoạt động, cơ sở có nguồn phát sinh nước thải (nước thải sinh hoạt) nhưng không phát sinh dòng thải. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua bể tự hoại đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (cột B), được tận dụng phục vụ các hoạt động khác trong khuôn viên mỏ.

- **Các chất ô nhiễm và giới hạn cho phép:**

Bảng 4. 1. Các thông số ô nhiễm

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo cột B của QCVN 14:2008/BTNMT
1	pH	-	5 - 9
2	BOD ₅ (20 ^o C)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hoà tan	mg/l	1.000
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4.0
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
9	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000

- **Vị trí xả nước thải:** hồ thu đặt sau khu vực bể tự hoại. Tọa độ vị trí xả thải X (m) =1285 667; Y (m) =568 147 (hệ VN 2000, kinh tuyến trực 108^o15', múi chiếu 3^o), nằm tại khu văn phòng.

- **Chế độ xả nước thải:** trong thời gian làm việc của mỏ (8 giờ).

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với bụi, khí thải:

- **Nguồn phát sinh khí thải:** Bụi, khí thải tại mỏ phát sinh chủ yếu từ quá trình khai thác (xúc bốc) và vận chuyển khoáng sản. Đây là nguồn phát sinh không phải là nguồn điểm nên không xác định được lưu lượng chính xác.

- **Vị trí xả khí thải:** Trong phạm vi của khu vực khai thác của cơ sở, có tọa độ ranh giới như sau:

Bảng 4. 2. Tọa độ cấp phép khi thải từ quá trình khai thác tại mỏ

Điểm góc	Tọa độ		Điểm góc	Tọa độ	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	1285948	568504	6	1285861	568354
2	1285945	568702	7	1285826	568237
3	1285892	568848	8	1285749	568087
4	1285850	568819	9	1285844	568032
5	1285918	568711			

- Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất: Khi máy móc, thiết bị của quá trình hoạt động khai thác và từ việc xúc bốc, vận chuyển khối lượng cát xây dựng cùng hoạt động.

- Phương thức xả khí thải: Không liên tục và chỉ phát sinh khi có hoạt động khai thác và xúc bốc, vận chuyển khối lượng cát xây dựng.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, cụ thể như sau:

Bảng 4.3. Thông số ô nhiễm và giới hạn cho phép đối với môi trường không khí xung quanh

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 05:2023/BTNMT
1	TSP	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	300
2	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	200
3	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	350
4	CO	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	30.00

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Tiếng ồn, độ rung tại cơ sở phát sinh chủ yếu từ quá trình khai thác (xúc bốc) và vận chuyển khoáng sản.

- Vị trí phát sinh: Trong phạm vi của khu vực khai thác của cơ sở, có tọa độ ranh giới như sau:

Bảng 4.4. Tọa độ cấp phép tiếng ồn, độ rung từ quá trình khai thác tại mỏ

Điểm góc	Tọa độ		Điểm góc	Tọa độ	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	1285948	568504	6	1285861	568354
2	1285945	568702	7	1285826	568237
3	1285892	568848	8	1285749	568087
4	1285850	568819	9	1285844	568032
5	1285918	568711			

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung tại khu mỏ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

Bảng 4.5. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn

STT	Giá trị giới hạn (dBA)		Ghi chú
	Từ 6 – 21 giờ	Từ 21 – 6 giờ	
1	70	55	Khu vực thông thường

Bảng 4.6. Giá trị giới hạn đối với độ rung

STT	Giá trị giới hạn (dBA)		Ghi chú
	Từ 6 – 21 giờ	Từ 21 – 6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại

Cơ sở khai thác cát xây dựng tại mỏ cát Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận không thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại.

4.5. Nội dung đề nghị cấp phép của dự án đầu tư có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất

Cơ sở khai thác cát xây dựng tại mỏ cát Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận không có hoạt động nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Cơ sở khai thác cát xây dựng tại mỏ cát Phước Thiện 4 thực hiện chương trình GSMT đối với bụi, khí thải định kỳ theo đúng quy định với tần suất 2 lần/năm. Các báo cáo được lưu giữ tại Công ty và nộp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận. Dưới đây là bảng tổng hợp các kết quả giám sát môi trường không khí trong phạm vi mỏ trong 2 năm gần nhất tại cơ sở:

5.1. Kết quả quan trắc định kỳ đối với bụi, khí thải, tiếng ồn

5.2. Kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải

a. Kết quả giám sát môi trường nước thải năm 2022

- Thời gian thực hiện:

+ Đợt 1: Ngày 07/06/2022.

+ Đợt 2: Ngày 05/12/2022.

- Thời điểm lấy mẫu: Mẫu được lấy trong thời gian đo đạc trong khi mỏ đang hoạt động.

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc:

+ M_{CPT1}: Tại vị trí cách điểm khai thác 20m phía thượng nguồn.

+ M_{CPT2}: Tại vị trí cách điểm khai thác 20m phía hạ nguồn.

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc môi trường nước thải khu vực đợt 1/2022

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 08 – MT:2015/BTNMT (cột B ₁)
			M _{CPT1}	M _{CPT2}	
1	pH	-	6,8	6,9	5,5-9
2	BOD ₅	mg/l	7,8	8,6	15
3	TSS	mg/l	23,5	25,5	50
4	Dầu, mỡ khoáng	mg/l	<0,3	<0,3	1
5	Coliform	VK/100ml	120	140	7.500

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc môi trường nước thải đợt 2/2022

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 08 – MT:2015/BTNMT (cột B ₁)
			M1	M2	
1	pH	-	6,9	7,2	5,5-9
2	BOD ₅	mg/l	6,9	7,1	15
3	TSS	mg/l	24,0	26,5	50
4	Dầu, mỡ khoáng	mg/l	<0,3	<0,3	1
5	Coliform	VK/100ml	90	110	7.500

- *Kết luận:*

Kết quả quan trắc mẫu nước mặt lấy tại 2 vị trí của mỏ năm 2022 thể hiện tại bảng cho thấy:

+ Các thông số quan trắc mẫu nước mặt đều đạt Quy chuẩn cho phép của QCVN 08 – MT:2015/BTNMT, cột B₁.

Như vậy, tại các thời điểm quan trắc năm 2022 chất lượng môi trường nước mặt chưa có dấu hiệu ô nhiễm.

b. Kết quả giám sát môi trường nước thải năm 2023

- Thời gian thực hiện:

+ Đợt 1: Ngày 22/06/2023.

+ Đợt 2: Ngày 11/12/2023.

- Thời điểm lấy mẫu: Mẫu được lấy trong thời gian đo đạc trong khi mỏ đang hoạt động.

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc:

+ Tại vị trí cách điểm khai thác 20m phía thượng nguồn.

Bảng 5.3. Kết quả quan trắc môi trường nước thải khu vực đợt 1/2023

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08 – MT:2015/BTNMT	
				B1	B2
1	pH	-	6,75	5,5-9	5,5-9
2	BOD ₅	mg/l	7	15	25
3	TSS	mg/l	19	50	100
4	Dầu, mỡ khoáng	mg/l	KPH	1	1
5	Coliform	VK/100ml	3.800	7.500	10.000

Bảng 5.4. Kết quả quan trắc môi trường nước thải đợt 2/2023

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08 :2023/BTNMT	
				Mức C Bảng 2	Mức D Bảng 2
1	pH	-	6,91	6,0-8,5	<6,0 hoặc >8,5
2	BOD ₅	mg/l	9	≤10	≥10
3	TSS	mg/l	26	>100 và không có rác nổi	>100 và có rác nổi
4	Dầu, mỡ khoáng	mg/l	KPH	5,0 ^(d)	5,0 ^(d)
5	Coliform	VK/100ml	2.700	≤7.500	>7.500

- *Kết luận:*

Kết quả quan trắc mẫu nước mặt lấy tại 2 vị trí của mỏ năm 2023 thể hiện tại bảng cho thấy:

+ Các thông số quan trắc mẫu nước mặt đều đạt Quy chuẩn cho phép của QCVN 08 – MT:2015/BTNMT, cột B₁ (đối với đợt 1) và QCVN 08:2023/BTNMT, cột B₁ (đối với đợt 2).

Như vậy, tại các thời điểm quan trắc năm 2023 chất lượng môi trường nước mặt chưa có dấu hiệu ô nhiễm.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Theo khoản 6 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì cơ sở khai thác cát xây dựng tại mỏ cát Phước Thiện 4 không thuộc đối tượng quy định tại Cột 3 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Do đó, thời gian vận hành thử nghiệm do chủ đầu tư quyết định, tự chịu trách nhiệm nhưng không quá 06 tháng và việc quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở khai thác là quan trắc 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định:

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Khoảng thời gian từ 17/02/2025 đến ngày 17/03/2025. Công suất vận hành thử nghiệm: Đạt 100% công suất thiết kế.

Bảng 6.1. Danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm của cơ sở

STT	Công trình bảo vệ môi trường	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
1	Bể tự hoại	17/02/2025	17/03/2025	100%

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải

a. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường hoặc thải ra ngoài phạm vi của công trình, thiết bị xử lý

Bảng 6.2. Thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải

STT	Công trình bảo vệ môi trường	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Ghi chú
1	Bể tự hoại	17/02/2025	17/03/2025	Lấy mẫu quan trắc 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định.

b. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải; thời gian, tần suất lấy mẫu phải thực hiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định

- Thời gian thực hiện: 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.
- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần.
- Lấy mẫu đánh giá trong giai đoạn vận hành ổn định:

Bảng 6.3. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải trong giai đoạn vận hành ổn định

STT	Thời gian lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Tần suất
1	10/03/2025	1 điểm tại hồ thu nước sau bể tự hoại	pH, BOD ₅ (20°C), Tổng chất rắn hòa tan (TDS), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Photphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P), Sunfua (tính theo H ₂ S), Dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Tổng Coliform.	- Tần suất lấy mẫu đánh giá hiệu quả của toàn hệ thống: 03 ngày. 1 ngày/1 đợt. Tổng số đợt mẫu cần lấy 03 đợt - Quy chuẩn so sánh: cột B, QCVN 14:2008/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt
2	11/03/2025			
3	12/03/2025			

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:

* Đơn vị 1:

- Tên đơn vị: Công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh;

- Địa chỉ: Số 528/5A Vườn Lài, Khu phố 2, Phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Đơn vị đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm số 241/TN-QTMT ngày 30/3/2023 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp;

- Đơn vị đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số VIMCERTS 241) được Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận tại Quyết định số 608/QĐ-BTNMT ngày 30/03/2022.

* Đơn vị 2:

- Tên đơn vị: Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3;

- Địa chỉ: Số 49 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Đơn vị đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số VIMCERTS 078) được Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận tại Quyết định số 329/QĐ-BTNMT ngày 22/02/2022.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ chất thải

Quá trình hoạt động của cơ sở không phát sinh nước thải sản xuất; nước thải sinh hoạt phát sinh với lưu lượng ít, được thu gom xử lý bằng bể tự hoại, không xả thải ra môi trường. Không thuộc đối tượng có "mức lưu lượng xả thải trung bình của dự án, cơ sở

thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường từ 200m³/ngày đêm đến dưới 500m³/ngày đêm (24 giờ); mức lưu lượng xả thải lớn từ 500m³/ngày (24 giờ) trở lên. Do đó, cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động, liên tục và định kỳ theo quy định tại khoản 2, Điều 97 và phụ lục số XXVIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

6.2.2. Chương trình quan trắc môi trường tự động, liên tục chất thải

- Căn cứ quy định tại Điều 97 và phụ lục số XXVIII của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường thì cơ sở khai thác cát xây dựng tại mỏ cát Phước Thiện 4 không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục.

- Căn cứ quy định tại Điều 98 và phụ lục số XXIX của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường thì cơ sở khai thác cát xây dựng tại mỏ cát Phước Thiện 4 không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục.

6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của Chủ cơ sở

Chủ cơ sở sẽ giám sát các công tác về biện pháp giảm thiểu tác động đến dân cư; giám sát về việc thu gom, lưu trữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý chất thải rắn của cơ sở.

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Cơ sở không thuộc đối tượng giám sát môi trường định kỳ hàng năm do đó Chủ cơ sở không thực hiện mục này trong Báo cáo.

Chương VII KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CHƠ SỞ

Trong thời gian 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo này, cơ sở khai thác cát xây dựng tại mỏ cát Phước Thiện 4 xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận của Công ty TNHH Thiện Ninh không có đoàn kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

8.1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các số liệu thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường. Nếu có sai trái gì chung tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

8.2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan

Cam kết đảm bảo việc xử lý chất thải của cơ sở đáp ứng các tiêu chuẩn và quy chuẩn môi trường Việt Nam trong quá trình hoạt động của cơ sở bao gồm:

- Nước thải sinh hoạt sau xử lý bề tự hoại đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, được lưu chứa tại ao chứa, tái sử dụng tưới cây trong khuôn viên mỏ;

- Chất thải rắn, chất thải nguy hại: thu gom, phân loại và lưu giữ tạm để hợp đồng với đơn vị có chức năng đến tiếp nhận xử lý, bảo đảm tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Cam kết thực hiện tất cả các biện pháp, quy định chung về bảo vệ môi trường Chủ cơ sở cam kết đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp khống chế, giảm thiểu ô nhiễm do bụi sinh ra trong quá trình khai thác;

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt được Chủ cơ sở thuê đơn vị có chức năng hút và xử lý theo đúng quy định, không thải ra môi trường;

- Thực hiện đầy đủ, đúng các nội dung trong giấy phép môi trường được phê duyệt;

- Thực hiện các biện pháp kiểm soát, xử lý giảm thiểu tác động do bụi, khí thải trong quá trình hoạt động của cơ sở;

- Thực hiện các biện pháp thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định của nhà nước;

- Thực hiện nghiêm túc chương trình quan trắc và đánh giá các thông số quy định về môi trường, để có biện pháp xử lý bảo đảm chất lượng môi trường;

- Đáp ứng các yêu cầu về cảnh quan, mỹ quan môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và người lao động;

- Cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các Tiêu chuẩn, các Quy chuẩn Việt Nam và nếu để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường;

- Cam kết triển khai các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố trong giai đoạn khai thác của mỏ cát.

PHỤ LỤC KÈM THEO BÁO CÁO

PHỤ LỤC 1.1
CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ KÈM THEO

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 4500652730

Đăng ký lần đầu: ngày 06 tháng 12 năm 2021

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 06 tháng 07 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
THIỆN NINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THIEN NINH COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH THIEN NINH

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Phước Thiện 3, Xã Phước Sơn, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

Điện thoại: 0918.546889

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ 5.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Năm tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ MAI	Việt Nam	180 KP1, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	3.250.000.000	65,000	035196007016	
2	TRẦN THỊ PHƯỢNG	Việt Nam	11A8 KP1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	1.750.000.000	35,000	035192008463	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: **TRẦN THỊ PHƯƠNG**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *04/07/1992*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *035192008463*

Ngày cấp: *10/08/2021*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát QLHC về TTXH*

Địa chỉ thường trú: *11A8 KPI, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *11A8 KPI, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

TC. TRƯỞNG PHÒNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trương Thị Tố Hương

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 58/GP-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp cho Công ty TNHH Việt-Trung khai thác tại mỏ cát xây dựng Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận;

Xét Đơn và hồ sơ của Công ty TNHH Việt-Trung đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản tại mỏ cát xây dựng Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4206/TTr-STNMT ngày 21. tháng 9 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Thiện Ninh khai thác khoáng sản cát xây dựng bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ cát Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

- Diện tích khu vực khai thác là 4,5515 ha, được giới hạn bởi các điểm khép góc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 có tọa độ theo hệ tọa độ VN-2000 kinh tuyến trục $108^{\circ}15'$ múi chiếu 3 xác định theo Phụ lục và Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản kèm theo Giấy phép này.

- Mức sâu khai thác thấp nhất: cote +6,3 m.

- Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác: 48.376 m³.

- Trữ lượng khai thác: 48.376 m³. Thân khoáng: Cát xây dựng.

- Công suất khai thác: 20.000 m³/năm;

- Thời hạn khai thác: Đến hết ngày 19 tháng 01 năm 2023. Thời gian được phép hoạt động khai thác trong ngày từ 7 giờ sáng đến 5 giờ chiều, không được khai thác ban đêm; thời gian khai thác trong năm chỉ vào mùa khô, không khai thác trong mùa mưa lũ.

Điều 2. Công ty TNHH Thiện Ninh có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường để lập lại hồ sơ thuê đất.

3. Lập thủ tục điều chỉnh tên Doanh nghiệp trên các hồ sơ pháp lý có liên quan; thực hiện đầy đủ nội dung Kế hoạch bảo vệ môi trường, Phương án cải tạo, phục hồi môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Lắp đặt bảng thông báo tại bờ sông thuộc phạm vi khu vực khai thác để công khai thông tin Giấy phép khai thác với các nội dung: Tọa độ, diện tích và sơ đồ phạm vi khu vực khai thác; thời gian khai thác; tên phương tiện, thiết bị sử dụng để khai thác cát xây dựng.

5. Ký hợp đồng vận chuyển với các chủ phương tiện đủ điều kiện vận chuyển theo quy định của pháp luật trong trường hợp không trực tiếp vận chuyển cát sau khai thác; việc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình và lưu trữ dữ liệu, thông tin về vị trí, hành trình di chuyển của phương tiện, thiết bị sử dụng để khai thác, vận chuyển cát.

6. Tiến hành hoạt động khai thác cát xây dựng theo đúng tọa độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này và đúng theo hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật khai thác đã lập, được thẩm định, phê duyệt và các quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

7. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ; thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm về phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật. Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ cát xây dựng Phước Thiện 4 và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Việc quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

9. Nộp đầy đủ thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường và các nghĩa vụ tài chính khác trong hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật.

10. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật. Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản, lập đầy đủ bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng, kiểm kê trữ lượng tại mỏ theo đúng quy định của Luật Khoáng sản.

12. Thực hiện việc đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường và đất đai sau khi kết thúc khai thác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép khai thác khoáng sản số 58/GP-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp cho Công ty TNHH Việt-Trung.

Trước khi tiến hành khai thác, Công ty TNHH Thiện Ninh phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; thông báo về Giám đốc điều hành mỏ và thời gian khai thác tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Công ty TNHH Thiện Ninh;
- Cục Kiểm soát HKKS Miền Nam;
- Các Sở: TN&MT, XD, NN&PTNT;
- Cục Thuế;
- Phòng PC05-Công an tỉnh;
- UBND huyện Ninh Phước;
- Chi cục Thủy lợi Ninh Thuận;
- Chi cục Thuế KV Ninh Phước-Thuận Nam;
- UBND xã Phước Sơn;
- VPUB; LĐVP, KTTH;
- Lưu: VT, Hào.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
SỞ CHỦ TỊCH**



Lê Huyền



**RÀNH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC CẮT XÂY DỰNG
TẠI MỎ CÁT PHƯỚC THIỆN 4, XÃ PHƯỚC SƠN
HUYỆN NINH PHƯỚC, TỈNH NINH THUẬN**

*(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 53 /GP-UBND
ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục $108^{\circ} 15'$ múi chiếu 3°)	
	X (m)	Y (m)
1	1285948	568504
2	1285945	568702
3	1285892	568848
4	1285850	568819
5	1285918	568711
6	1285861	568354
7	1285826	568237
8	1285749	568087
9	1285844	568032
Diện tích: 4,5515 ha		

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 70/2012/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường giai đoạn đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản cát xây dựng trong "Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ cát xây dựng Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận";

Căn cứ Quyết định số 1425/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ cát xây dựng Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 43121000247 ngày 31/7/2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp cho Dự án khai thác mỏ cát xây Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận của Công ty TNHH Việt Trung;

Theo Thông báo số 114/TB-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước về việc chấp nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án khai thác cát xây dựng, mỏ cát Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận; *kl*

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản ghi ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Công ty TNHH Việt Trung (nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường);

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2477/TTr-STNMT ngày 01 tháng 8 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Việt Trung khai thác khoáng sản cát xây dựng bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ cát Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

- Diện tích khu vực khai thác là 6,0 ha; được giới hạn bởi các điểm khép góc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 có tọa độ xác định theo Phụ lục số 1 và Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản kèm theo Giấy phép này.

- Mức sâu khai thác: từ 0,6m đến 3,6m.

- Trữ lượng:

+ Trữ lượng địa chất: 102.714 m³.

+ Trữ lượng khai thác: 96.710 m³; thân khoáng: Cát xây dựng.

- Công suất khai thác: 20.000 m³ cát nguyên khối/năm.

- Thời hạn khai thác: 06 năm, kể từ ngày ký giấy phép.

Điều 2. Công ty TNHH Việt Trung có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Báo cáo cho Sở Tài nguyên Môi trường để kiểm tra tại thực địa, xác định tọa độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc ranh giới phạm vi khu vực được phép khai thác trước khi tiến hành khai thác; làm thủ tục thuê đất theo quy định.

3. Hoạt động khai thác cát xây dựng theo đúng tọa độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 Giấy phép này và đúng theo hồ sơ Báo cáo kinh tế-kỹ thuật đã lập, được thẩm định, phê duyệt và các quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật khác có liên quan.

4. Thực hiện đầy đủ nội dung cam kết bảo vệ môi trường đã được Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước chấp nhận và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án khai thác cát xây dựng, mỏ cát Phước Thiện 4 (đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt) và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

5. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ; phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ cát Phước Thiện 4 và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. ll

TUY
VONINE

6. Việc quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành và đúng theo quy định tại Phụ lục số 2 Giấy phép này.

7. Nộp đầy đủ thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường và các nghĩa vụ tài chính khác trong hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật.

8. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mô theo quy định của pháp luật. Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản, lập đầy đủ bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng, kiểm kê trữ lượng tại mỏ theo đúng quy định của Luật Khoáng sản.

10. Thực hiện việc đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường và đất đai sau khi kết thúc khai thác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Công ty TNHH Việt Trung chỉ được phép tiến hành hoạt động khai thác cát xây dựng tại mỏ cát Phước Thiện 4 sau khi đã thực hiện việc ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường, các quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 2 Giấy phép này, đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày hoạt động sản xuất kinh doanh, thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác tại cơ quan chức năng của Nhà nước theo quy định./.

Nơi nhận: 10

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Công ty TNHH Việt Trung;
- Cục kiểm soát hoạt động KS Miền Nam;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (02 bản);
- Sở Xây dựng;
- Cục thuế tỉnh;
- Phòng PC49-Công an tỉnh;
- UBND huyện Ninh Phước;
- Chi cục thuế huyện Ninh Phước;
- UBND xã Phước Sơn;
- VPUB: CVP, KTN;
- Lưu: VT, Dg b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lưu Xuân Vĩnh

Giấy phép khai thác khoáng sản này đã được đăng ký nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận

Số đăng ký: ĐK/KT

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2014.

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số: 15/UBND.TP, Ngày 15 tháng 5 năm 2014

CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG KINH ĐỊNH



Nguyễn Thị Thanh Tâm

GIÁM ĐỐC

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN



**RANH GIỚI TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC CÁT XÂY DỰNG TẠI
MỎ CÁT PHƯỚC THIÊN 4, XÃ PHƯỚC SƠN, HUYỆN NINH PHƯỚC,
TỈNH NINH THUẬN**

(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 58 /GP-UBND
ngày 05 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục $108^{\circ} 15'$ múi chiếu 3°)	
	X (m)	Y (m)
1	1285.713	567.889
2	1285.791	567.995
3	1285.838	568.006
4	1285.948	568.504
5	1285.945	568.702
6	1285.892	568.848
7	1285.850	568.819
8	1285.918	568.711
9	1285.861	568.354
10	1285.826	568.237
11	1285.659	567.910
Diện tích: 6,0 ha		

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

**SẢN LƯỢNG KHAI THÁC HÀNG NĂM VÀ ĐỊA CHỈ
TIÊU THỤ KHOÁNG SẢN ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC**
(Kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 58 /GP-UBND
ngày 05 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Số TT	Năm	Công suất khai thác (m ³ /năm)	Sản phẩm khai thác	Địa chỉ tiêu thụ sản phẩm
1	Từ năm 2014 đến năm 2020	20.000	Cát xây dựng	Trong và ngoài tỉnh Ninh Thuận.

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(GIA HẠN)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;*

*Căn cứ Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của
Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông;*

*Căn cứ Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt
động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng của
mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản
trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng
sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;*

*Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 53/GP-UBND ngày 30 tháng
9 năm 2022 và Giấy phép gia hạn số 72/GP-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp cho Công ty TNHH Thiện Ninh để
khai thác cát xây dựng tại mỏ cát Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh
Phước, tỉnh Ninh Thuận;*

*Xét Đơn và hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản ghi
ngày 19 tháng 3 năm 2024 của Công ty TNHH Thiện Ninh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
1265/Tr-STNMT ngày 25 tháng 3 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản số 53/GP-UBND ngày
30 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận để Công ty TNHH

Thiện Ninh được tiếp tục khai thác cát xây dựng tại mỏ cát Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận với thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày cấp gia hạn giấy phép.

Thời gian được phép hoạt động khai thác trong ngày từ 07 giờ sáng đến 05 giờ chiều, không được khai thác ban đêm; thời gian khai thác trong năm chỉ vào mùa khô, không khai thác trong mùa mưa lũ.

Điều 2. Công ty TNHH Thiện Ninh có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép gia hạn khai thác khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường để làm thủ tục gia hạn thời hạn thuê đất theo quy định của pháp luật.

3. Tiếp tục thực hiện khai thác trữ lượng còn lại là 39.404 m³ của Giấy phép khai thác khoáng sản số 53/GP-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2022.

4. Thực hiện đúng các quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 53/GP-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2022. Kết thúc khai thác, thực hiện đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép khai thác khoáng sản số 53/GP-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Thiện Ninh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chi cục Khoáng sản Miền Nam;
- Các Sở: TNMT, XD, NNPTNT;
- UBND huyện Ninh Phước;
- Cục Thuế;
- Chi cục Thủy lợi Ninh Thuận;
- UBND xã Phước Sơn;
- Phòng PC03-Công an tỉnh;
- VPUB: LĐVP, KTTH;
- Lưu: VT, TT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
Lê Huyền



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC

(Kèm theo Giấy phép khai thác số 17 /GP-UBND
ngày 28 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục 108° 15' múi chiếu 3°)	
	X (m)	Y (m)
1	1285948	568504
2	1285945	568702
3	1285892	568848
4	1285850	568819
5	1285918	568711
6	1285861	568354
7	1285826	568237
8	1285749	568087
9	1285844	568032
Diện tích: 4,5515 ha		

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

Số 05/GP-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Thuận, ngày 25 tháng 02 năm 2014

GIẤY PHÉP THĂM ĐÓ KHOÁNG SẮN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 12 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận giai đoạn đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 (được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 70/2012/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2012);

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị cấp phép thăm dò khoáng sản của Công ty TNHH Việt Trung ghi ngày 30 tháng 10 năm 2013 và Thông báo số 1604/TB-TTHĐ ngày 29/12/2013 của Hội đồng thẩm định Đề án thăm dò cát xây dựng, mỏ cát Phước Thiện 4 của Công ty TNHH Việt Trung;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 382/TTr-S/TNMT ngày 19 tháng 02 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Việt Trung thăm dò cát xây dựng tại mỏ cát Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

Diện tích khu vực thăm dò 6,0 ha; được giới hạn bởi các điểm khép góc từ 1 đến 11 có tọa độ xác định theo Phụ lục số 1 và Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản kèm theo Giấy phép này.

Thời hạn thăm dò: 07 (bảy) tháng, kể từ ngày ký giấy phép.

Khối lượng thăm dò chủ yếu theo Phụ lục số 2 Giấy phép này.

Chi phí thăm dò: Bằng nguồn vốn của Công ty TNHH Việt Trung (đơn giá áp dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước).

Điều 2. Công ty TNHH Việt Trung có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí có liên

quan theo quy định hiện hành.

2. Thực hiện thăm dò cát xây dựng theo phương pháp và khối lượng đã quy định tại Điều 1 Giấy phép này, theo Đề án thăm dò đã được Hội đồng thăm dò thông qua và theo các quy định khác của pháp luật có liên quan; thi công các hạng mục công việc đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường; thu thập và tổng hợp đầy đủ, chính xác các tài liệu, kết quả thăm dò; kiểm tra và chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng và tính trung thực của tài liệu thực tế thi công; bảo quản lưu giữ đầy đủ các tài liệu nguyên thủy, tài liệu thực tế có liên quan và các mẫu vật địa chất, khoáng sản theo quy định hiện hành.

3. Bảo vệ tài nguyên khoáng sản; nghiêm cấm mọi hoạt động khai thác trong quá trình thăm dò; nếu phát hiện các khoáng sản khác, phải kịp thời có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để xử lý theo quy định.

4. Tiến hành lấy và gửi phân tích các loại mẫu tại các cơ sở đạt tiêu chuẩn VILAS, LAS-XD; làm rõ chất lượng, trữ lượng cát xây dựng cho mục đích sử dụng làm vật liệu xây dựng.

5. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành.

6. Trình thẩm định, xét duyệt báo cáo kết quả thăm dò tại cơ quan thường trực Hội đồng thăm dò để ấn, báo cáo thăm dò của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận và nộp báo cáo theo quy định của pháp luật về khoáng sản; nộp báo cáo vào Lưu trữ Địa chất theo quy định hiện hành.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hoạt động thăm dò khoáng sản theo giấy phép này, Công ty TNHH Việt Trung chỉ được phép thực hiện sau khi thông báo chương trình và khối lượng thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường Ninh Thuận và chính quyền địa phương để phối hợp quản lý, kiểm tra và xác định cụ thể diện tích, tọa độ, mốc giới khu vực thăm dò tại thực địa.

Nơi nhận: 04/

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Công ty TNHH Việt Trung;
- Chi cục Kiểm soát HDKS miền Nam;
- Các Sở: TN & MT, Xây dựng;
- Chi cục thủy lợi;
- UBND huyện Ninh Phước;
- UBND xã Phước Sơn;
- VPUB: CVP, KTN;
- Lưu VT Dg b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Xuân Hòa

Giấy phép thăm dò khoáng sản này được đăng ký
nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận

Số đăng ký: 04 DK/TD

Ninh Thuận, ngày 26 tháng 02 năm 2014



LÊ HUYẾN

UBND TỈNH NINH THUẬN
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/323/SXD-QLXD

V/v tham gia ý kiến Báo cáo
kinh tế - kỹ thuật công trình
khai thác cát xây dựng tại mỏ
cát Phước Thiện 4 của Công
ty TNHH Việt Trung.

Ninh Thuận, ngày 26 tháng 6 năm 2014

Kính gửi: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Việt Trung

Ngày 06/6/2014 Sở Xây dựng tiếp nhận tờ trình số 07/TTr-VT ngày 18/6/2014 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Việt Trung về việc tham gia ý kiến Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình khai thác cát xây dựng mỏ cát Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/03/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 33/2012/TT-BCT ngày 14/11/2012 của Bộ Công thương quy định về lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế mỏ, dự án đầu tư xây dựng mỏ khoáng sản rắn;

Căn cứ Quyết định số 70/2012/QĐ-UBND ngày 06/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản để làm vật liệu xây dựng thông thường thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh giai đoạn đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 45/2014/QĐ-UBND ngày 12/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ giấy phép thăm dò khoáng sản số 05/GP-UBND ngày 25/02/2014;

Căn cứ Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 11/6/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản cát xây dựng tại mỏ cát Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ các Tiêu chuẩn, quy phạm kỹ thuật hiện hành,

Sau khi nghiên cứu hồ sơ, đối chiếu với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, Sở Xây dựng tham gia ý kiến về Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình khai thác cát xây dựng tại mỏ cát Phước Thiện 4 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Việt Trung với các nội dung chủ yếu sau:

I. Thông tin chung về dự án:

1. Tên dự án: Khai thác cát xây dựng mỏ cát Phước Thiện 4.
2. Chủ đầu tư: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Việt Trung.
3. Tổ chức lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH Hoàng Long.
4. Mục tiêu đầu tư:

- Khai thác cát xây dựng cung cấp cho nhu cầu vật liệu xây dựng trong tỉnh Ninh Thuận và các vùng lân cận.

5. Công suất thiết kế: 20.000m³/năm (tính theo sản phẩm nguyên khai chưa chế biến).

6. Công nghệ khai thác khoáng sản:

- Cát xây dựng được khai thác trực tiếp bằng máy xúc xúc lên phương tiện vận chuyển ô tô về khu sàng tuyển.

- Hệ thống khai thác được áp dụng cho mỏ cát Phước Thiện 4 là hệ thống khai thác theo lớp bằng có góc dốc bờ công tác $\alpha = 0^\circ$, dùng máy xúc khẩu trực tiếp các lớp cát sỏi theo chiều dày của vỉa đến đáy khai trường. Công nghệ khai thác gồm hai khâu chính: khâu xúc bốc và khâu vận tải.

- Các thông số của hệ thống khai thác:

+ Chiều cao tầng khai thác cát sỏi: $h = 1,0 \div 3,5m$

+ Góc dốc tầng khai thác: 27°

+ Chiều rộng một block: $b = 20m$

7. Địa điểm xây dựng: xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

8. Diện tích khu vực khai thác: 6,0 ha.

Bảng tọa độ các điểm góc khu vực khai thác

Tọa độ VN-2000 KT108 ⁰ 15' múi 3 ⁰					
Điểm	X(m)	Y (m)	Điểm	X(m)	Y (m)
1	1.285.713	567.889	7	1.285.850	568.819
2	1.285.791	567.995	8	1.285.918	568.711
3	1.285.838	568.006	9	1.285.861	568.354
4	1.285.948	568.504	10	1.285.826	568.237
5	1.285.945	568.702	11	1.285.659	567.910
6	1.285.892	568.848			

9. Hạng mục xây dựng chính phục vụ khai thác khoáng sản của mỏ:

- Văn phòng điều hành mỏ, kho phụ tùng vật tư, nhà tạm công trường;
- Cải tạo tuyến đường mỏ mỏ;
- Đường điện và trạm biến áp 260 KVA.

10. Tổng mức đầu tư: 426.041.568 đồng.

(Bốn trăm hai mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi một nghìn, năm trăm sáu mươi tám đồng)

11. Thời gian thực hiện dự án: là 6 năm.

II. Tham gia ý kiến về Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:

1. Sự phù hợp của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật với quy hoạch:

Vị trí khai thác mỏ cát xây dựng Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận phù hợp với Quy hoạch, thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản để làm vật liệu xây dựng thông thường thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận giai đoạn đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 70/2012/QĐ-UBND ngày 06/12/2012.

2. Nội dung Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:

2.1. Nội dung thuyết minh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:

Nội dung thuyết minh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật do Công ty TNHH Hoàng Long lập theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 35 của Luật Xây dựng.

2.2. Nội dung thiết kế bản vẽ thi công:

Thành phần thiết kế bản vẽ thi công cơ bản theo quy định tại Thông tư số 33/2012/TT-BCT ngày 14/11/2012 của Bộ Công thương quy định về lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế mỏ, dự án đầu tư xây dựng mỏ khoáng sản rắn.

3. Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức tư vấn, năng lực hành nghề của các cá nhân lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo quy định:

- Hồ sơ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức tư vấn và năng lực hành nghề của các cá nhân lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật tuân thủ đúng theo quy định tại Thông tư số 22/2009/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 06/7/2009 về việc quy định chi tiết về điều kiện năng lực trong hoạt động xây dựng.

* Phí tham gia ý kiến Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo Thông tư số 176/2011/TT-BTC ngày 06/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng:

$$328.362.000 \text{ đồng} \times 0,019\% \times 25\% = 20.237 \text{ đồng}$$

(Bằng chữ: Hai mươi nghìn, hai trăm ba mươi bảy đồng)

III. Kết luận và kiến nghị:

- Trong quá trình khai thác cát xây dựng đề nghị Chủ đầu tư (Công ty Trách nhiệm hữu hạn Việt Trung) phải tuân thủ theo TCVN 5326:2008 Tiêu chuẩn Quốc gia về Kỹ thuật khai thác mỏ lộ thiên; Quy chuẩn 04:2009/BCT Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.



Sở Xây dựng tham gia ý kiến về Báo cáo kinh tế - kỹ thuật khai thác cát xây dựng Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước để Công ty Trách nhiệm hữu hạn Việt Trung có cơ sở triển khai các bước tiếp theo./.

Nơi nhận: 

- Như trên;

- Lưu: VT, QLXD.


LTAY



GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ
XÂY DỰNG


Nguyễn Văn Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 114 / TB-UBND

Ninh Phước, ngày 11 tháng 7 năm 2014

THÔNG BÁO

Về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án khai thác cát xây dựng mỏ cát Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước.

Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước tiếp nhận hồ sơ đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án Khai thác cát xây dựng mỏ cát Phước Thiện 4 tại thôn Phước Thiện 3, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước của Công ty TNHH Việt Trung.

Sau khi xem xét hồ sơ đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án Khai thác cát xây dựng mỏ cát Phước Thiện 4 tại thôn Phước Thiện 3, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước của Công ty TNHH Việt Trung, Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước xin thông báo như sau:

1. Bản cam kết bảo vệ môi trường của Dự án Khai thác cát xây dựng mỏ cát Phước Thiện 4 tại thôn Phước Thiện 3, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước của Công ty TNHH Việt Trung đã được đăng ký tại Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước.

2. Công ty TNHH Việt Trung có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường.

3. Bản cam kết bảo vệ môi trường được đăng ký và Thông báo này là căn cứ để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai thực hiện Dự án Khai thác cát xây dựng mỏ cát Phước Thiện 4 tại thôn Phước Thiện 3, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước.

4. Công ty TNHH Việt Trung phải báo cáo với Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước khi có những thay đổi, điều chỉnh nội dung bản cam kết bảo vệ môi trường và chỉ được thực hiện khi có sự chấp nhận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài nguyên-Môi trường;
- UBND xã Phước Sơn;
- Cty TNHH Việt Trung;
- Lưu: VT



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Luyện

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án khai thác cát xây dựng tại mỏ cát Phước Thiện 4 thuộc xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận của Công ty TNHH Việt Trung

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 34/2009/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về lập, phê duyệt, kiểm tra xác nhận Dự án cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Văn bản số 2019/BTNMT-TCMT ngày 31 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc triển khai thực hiện Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 385/2008/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét Văn bản số 22/KSVT ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Công ty TNHH Việt Trung về việc chỉnh sửa Đề án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án khai thác cát xây dựng tại mỏ cát Phước Thiện 4 thuộc xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 256/TTr-CCBVMT ngày 13 tháng 11 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Đề án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án khai thác cát xây dựng tại mỏ cát Phước Thiện 4 thuộc xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận của Công ty TNHH Việt Trung (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

a) Đối với đoạn đường vận chuyển cát:

- San gạt đoạn đường vận chuyển cát (đoạn 2C) dài 200 m, rộng 7,5 m chạy dọc bờ sông từ khu vực sàng cát đến mép bờ sông tại vị trí khu vực moong khai thác từ năm thứ tư trở đi.

- Phá bỏ và san gạt bằng với cao trình đáy sông trước khi khai thác đối với các đoạn đường nhánh vận chuyển cát từ mép bờ sông đến ranh giới khu vực khai thác với tổng chiều dài các đoạn đường là 65,5 m và chiều rộng mỗi đoạn đường là 7,5 m.

b) Đối với khu vực sàng cát và các công trình phụ trợ:

Tháo dỡ nhà làm việc, nhà bảo vệ, trạm sàng cát, trạm biến áp và vận chuyển các loại máy móc, thiết bị và chất thải xây dựng ra khỏi khu vực mỏ. San gạt bằng phẳng toàn bộ diện tích khu vực sàng cát và các công trình phụ trợ với diện tích san gạt là 4.500 m², chiều sâu san gạt là 0,4 m và khối lượng san gạt là 1.800 m³.

2. Dự toán kinh phí cải tạo phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:

a) Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: 47.048.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

b) Số lần ký quỹ: Số lần ký quỹ được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.

c) Thời điểm thực hiện ký quỹ: Thời điểm thực hiện ký quỹ lần đầu được thực hiện trước khi bắt đầu tiến hành hoạt động khai thác 30 (ba mươi) ngày. Các lần ký quỹ tiếp theo được thực hiện trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo.

d) Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường, những nội dung được nêu trong Đề án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Khai thác cát đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng, các thông số hệ thống khai thác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;

2. Cải tạo, phục hồi môi trường các đoạn đường vận chuyển dọc bờ sông, dưới lòng sông và khu vực trạm sàng cát theo đúng nội dung của Đề án cải tạo, phục hồi môi trường;

3. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chủ dự án phải tuân thủ nghiêm công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo việc thực hiện nội dung Đề án cải tạo, phục hồi môi trường theo yêu cầu của Quyết định này và Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29 tháng 03 năm 2013 của Thủ tướng

Chính phủ về cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản; Thông tư số 34/2009/TT-BTNMT Quy định về lập, phê duyệt, kiểm tra, xác nhận Dự án Cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.

Điều 4. Đề án cải tạo, phục hồi môi trường dự án khai thác cát xây dựng mỏ cát Phước Thiện 4 và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 và Điều 3 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận thực hiện công tác cải tạo, phục hồi môi trường của Chủ dự án.

Điều 5. Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án, nếu có những thay đổi về nội dung đề án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi đó sau khi có văn bản chấp thuận của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 6. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường; công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường tại Đề án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu tại Điều 2 của Quyết định này.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường; Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường; các phòng chuyên môn và đơn vị trực thuộc Sở, Giám đốc Công ty TNHH Việt Trung chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Như điều 7;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- UBND huyện Ninh Phước;
- Phòng CSMT-Công an tỉnh;
- Phòng TNMT huyện Ninh Phước;
- Lưu: VT, KS, CCBVMT.

GIÁM ĐỐC



Bùi Anh Tuấn

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thu hồi đất đã cho Công ty TNHH Việt - Trung thuê
để khai thác khoáng sản cát xây dựng tại mỏ cát Phước Thiện 4,
xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; và Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 53/GP-UBND ngày 30/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép Công ty TNHH Thiện Ninh khai thác khoáng sản cát xây dựng tại mỏ cát Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận;

Theo hồ sơ thuê đất của Công ty TNHH Thiện Ninh và đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5605/TTr-STNMT ngày 01/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi khu đất có diện tích 45.531 m² tại xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước đã cho Công ty TNHH Việt – Trung thuê tại Quyết định số 251/QĐ-UBND

ngày 19/4/2022 và Quyết định số 363/QĐ-UBND ngày 26/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Lý do thu hồi: Đã chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản theo Hợp đồng số 09/2022/HĐCN ngày 21/02/2022.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, các cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước, Ủy ban nhân dân xã Phước Sơn xác định cụ thể mốc giới khu đất thu hồi.

- Chi đạo Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện chỉnh lý biến động đất đai theo quy định hiện hành.

2. Công ty TNHH Việt - Trung có trách nhiệm: Bàn giao khu đất trên; giao nộp hồ sơ gốc (Quyết định cho thuê đất, Hợp đồng cho thuê đất, chứng từ đã nộp thuế và các giấy tờ, văn bản liên quan) để Sở Tài nguyên và Môi trường chỉnh lý biến động đất đai theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Công Thương, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phước Sơn, Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai Ninh Thuận, Giám đốc Công ty TNHH Việt - Trung và Thủ trưởng cơ quan có chức năng liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT. TT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Huyền

Số: 4206 /TTr-STNMT

Ninh Thuận, ngày 21 tháng 9 năm 2022

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN MỎ CÁT XÂY DỰNG PHƯỚC THIỆN 4, XÃ PHƯỚC SƠN, HUYỆN NINH PHƯỚC

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Tiếp nhận hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản mỏ cát xây dựng Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước (theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 58/GP-UBND ngày 05/8/2014 của UBND tỉnh) từ Công ty TNHH Việt-Trung (viết tắt là Công ty Việt-Trung) cho Công ty TNHH Thiện Ninh (viết tắt là Công ty Thiện Ninh).

Qua kiểm tra hồ sơ, căn cứ quy định của pháp luật về khoáng sản hiện hành, Sở Tài nguyên và Môi trường kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

I. Căn cứ trình chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật Khoáng sản và điểm b khoản 1 Điều 37 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản (viết tắt là Nghị định 158), điều kiện để được chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản là: Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản đã hoàn thành công tác xây dựng cơ bản, đưa mỏ vào khai thác; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định các điểm a, b, c, d, e, g khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản; nộp đầy đủ hồ sơ chuyển nhượng cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ khi Giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực ít nhất 90 ngày.

Công ty Việt Trung được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép khai thác mỏ cát xây dựng Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 58/GP-UBND ngày 05/8/2014, được gia hạn thời gian khai thác đến 19/01/2023 tại Giấy phép số 03/GP-UBND ngày 19/01/2022. Công ty Việt-Trung đã thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý trước khi tổ chức khai thác (ký hợp đồng thuê đất, ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường, bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ và thông báo về thời gian xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác); hoàn thành công tác đầu tư xây dựng cơ bản và đưa mỏ vào khai thác từ năm 2014; sau khi được gia hạn giấy phép khai thác, Công ty Việt-Trung đã được gia hạn thời gian thuê đất, tổ chức khai thác được 7.950 m³ cát (nguyên khai, tương ứng 7.067m³ nguyên khối, theo hệ số nở rời của cát là 1,125) và thực hiện kê khai, nộp đủ thuế, phí theo quy định đối với trữ lượng cát xây dựng đã khai thác, trong đó thuế tài nguyên 172.912.500 đồng, phí bảo vệ môi trường 43.725.000 đồng, tiền thuê đất 22.765.500 đồng. Công ty Việt Trung đã lập và nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản mỏ cát xây dựng Phước Thiện 4 theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 51 Nghị định 158 vào

ngày 28/7/2022, trước thời điểm Giấy phép khai thác hết hạn 90 ngày (*ngày Giấy phép hết hạn là 19/01/2023*). Do vậy, căn cứ các quy định nêu trên, Công ty Việt-Trung đủ điều kiện để thực hiện việc chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ cát Phước Thiện 4.

- Đơn vị nhận chuyển nhượng là Công ty Thiện Ninh (*địa chỉ trụ sở tại: thôn Phước Thiện 3, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận*) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500652730 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp lần đầu ngày 06/12/2021, trong đó có đăng ký kinh danh ngành nghề khai thác khoáng sản (đá, cát, sỏi, đất sét,...). Theo báo cáo tài chính năm 2021, tính đến thời điểm 31/12/2021, vốn chủ sở hữu của Công ty Thiện Ninh là 4.999.129.754 đồng, lớn hơn 30% tổng mức đầu tư dự án khai thác mỏ cát Phước Thiện 4 theo hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật đã được thẩm định, phê duyệt là 426.000.000 đồng, đảm bảo điều kiện để thực hiện Dự án khai thác khoáng sản mỏ cát Phước Thiện 4 theo quy định của Luật Khoáng sản. Do vậy, căn cứ quy định của pháp luật về khoáng sản hiện hành, Công ty Thiện Ninh là đơn vị được phép hoạt động khai thác khoáng sản và có đủ điều kiện nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ cát Phước Thiện 4.

- Việc chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản mỏ cát xây dựng Phước Thiện 4 giữa Công ty Việt-Trung và Công ty Thiện Ninh được thể hiện trên Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản số 09/2022/HĐCN ngày 21/02/2022 với giá trị chuyển nhượng theo Hợp đồng là 1.100.000.000 đồng (*Một tỷ, một trăm triệu đồng*). Qua kiểm tra, nội dung Hợp đồng chuyển nhượng phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 37 Nghị định 158.

- Ngày 18/8/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và chính quyền địa phương tổ chức kiểm tra thực tế hiện trạng khai thác tại mỏ cát Phước Thiện 4. Kết quả kiểm tra ghi nhận, mỏ cát Phước Thiện 4 còn trữ lượng cát đủ để tiếp tục khai thác, hai bên bờ sông tại khu vực khai thác ổn định, không có dấu hiệu sạt lở; trong thời gian được gia hạn khai thác tại mỏ cát này, Công ty Việt-Trung đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật trong hoạt động khai thác khoáng sản, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định, không gây tác động tới môi trường, đảm bảo an ninh, trật tự và không có ý kiến phản ánh của Nhân dân trong khu vực. Do vậy, các cơ quan tham gia kiểm tra tại thực địa và ý kiến của Chi cục Thủy lợi tại Văn bản số 348/CCTL-KHKT ngày 30/8/2022 đều thống nhất chủ trương giải quyết chuyển nhượng quyền khai thác tại mỏ cát này và đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết chuyển nhượng theo đúng quy định.

Công ty Việt-Trung đã chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản tại mỏ cát Phước Thiện 4 theo ý kiến đề nghị của các cơ quan tham gia tại buổi kiểm tra thực địa và nộp về Sở Tài nguyên và Môi trường (*thông qua Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh*) ngày 12/9/2022.

- Về trữ lượng tiếp tục khai thác: Công ty Việt-Trung được gia hạn thời hạn khai thác tại mỏ cát Phước Thiện 4 theo Giấy phép số 03/GP-UBND ngày 19/01/2022 với trữ lượng cát xây dựng được phép khai thác là 55.443 m³. Theo

báo cáo kết quả hoạt động khai thác của Công ty Việt-Trung, sản lượng cát đã khai thác thực tế kể từ ngày được gia hạn giấy phép đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng là 7.950 m^3 cát nguyên khai, tương ứng 7.067 m^3 nguyên khối, (theo hệ số nở rời của cát là 1,125) nên trữ lượng cát còn lại tại mỏ cát Phước Thiện 4 tính đến thời điểm hiện tại là 48.376 m^3 ($55.443 \text{ m}^3 - 7.067 \text{ m}^3$).

- Về thời gian khai thác tiếp tục sau khi chuyển nhượng: Theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Khoáng sản năm 2010, trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản cho tổ chức, cá nhân khác thì thời hạn khai thác là thời gian còn lại của Giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp trước đó. Như vậy, thời gian tiếp tục khai thác tại mỏ cát Phước Thiện 4 trong trường hợp được Ủy ban nhân dân tỉnh cho chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản là đến ngày 19/01/2023, hết thời hạn khai thác của Giấy phép gia hạn khai thác số 03/GP-UBND ngày 19/01/2022.

- Về thực hiện nghĩa vụ tài chính khi chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản: Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận cho chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản tại mỏ cát Phước Thiện 4, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ gửi thông tin, hồ sơ liên quan đến việc chuyển nhượng tại mỏ cát này đến Cục Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính làm cơ sở để Công ty Việt-Trung và Công ty Thiện Ninh thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

2. Đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường:

Từ các nội dung đã nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh việc chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản mỏ cát Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, như sau:

2.1. Cho phép Công ty TNHH Việt-Trung chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản tại mỏ cát Phước Thiện 4, thuộc xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước cho Công ty TNHH Thiện Ninh để tiếp tục thực hiện việc khai thác theo quy định.

2.2. Cấp giấy phép khai thác khoáng sản mỏ cát Phước Thiện 4, thuộc xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước cho Công ty TNHH Thiện Ninh với các nội dung chính như sau:

Diện tích khu vực khai thác là 4,5515 ha, được giới hạn bởi các điểm khép góc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 5, 6, 7, 8, 9 có tọa độ theo hệ tọa độ VN-2000 kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$ múi chiếu 3° xác định trên Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản kèm theo, cụ thể tọa độ như sau:

Điểm góc	Tọa độ		Điểm góc	Tọa độ	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	1285948	568504	6	1285861	568354
2	1285945	568702	7	1285826	568237
3	1285892	568848	8	1285749	568087
4	1285850	568819	9	1285844	568032
5	1285918	568711			

- Mức sâu khai thác thấp nhất: +6,3 m.

- Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác: 48.376 m³.
- Trữ lượng khai thác: 48.376 m³. Thân khoáng: Cát xây dựng.
- Công suất khai thác: 20.000 m³/năm;
- Thời hạn khai thác: Đến hết ngày 19/01/2023.
- Thời gian được phép hoạt động khai thác trong ngày từ 7 giờ sáng đến 5 giờ chiều, không được khai thác ban đêm; thời gian khai thác trong năm chỉ vào mùa khô, không khai thác trong mùa mưa lũ.

2.3. Công ty TNHH Thiện Ninh có trách nhiệm kế thừa, sử dụng toàn bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến mỏ cát xây dựng Phước Thiện 4 và tổ chức khai thác đúng vị trí, diện tích, thiết kế đã được thẩm định phê duyệt do Công ty TNHH Việt-Trung đã lập trước đây (*Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án khai thác khoáng sản; hồ sơ Kế hoạch bảo vệ môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường; hồ sơ thuê đất; nghĩa vụ tài chính*); lập thủ tục điều chỉnh các hồ sơ pháp lý có liên quan; lập lại hồ sơ thuê đất; đăng ký với cơ quan thuế và thực hiện các quyền, nghĩa vụ có liên quan sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy phép khai thác mới.

Sở Tài nguyên và Môi trường kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

Ghi chú: Gửi kèm theo các hồ sơ: Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác, Báo cáo kết quả hoạt động khai thác, Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính, Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác, Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Việt-Trung và Công ty Thiện Ninh, Bản sao Giấy phép khai thác khoáng sản số 58/GP-UBND ngày 05/8/2014; các hồ sơ tài liệu có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công ty TNHH Việt Trung;
- Công ty TNHH Thiện Ninh;
- GD và các PGD Sở TNMT;
- Lưu: VT, TNKS&BDKH.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Khắc Huy Anh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

Số: 232 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ninh Thuận, ngày 12 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho Công ty TNHH Thiện Ninh gia hạn thời hạn thuê đất để tiếp tục khai thác khoáng sản cát xây dựng tại mỏ cát Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước quy định về nghĩa vụ nộp tiền thuê đất trước thời gian được gia hạn thuê đất; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 88/2018/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh giai đoạn đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Quyết định số 40a/QĐ-UBND ngày 15/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Ninh Phước;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 17/GP-UBND ngày 28/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp cho Công ty TNHH Thiện Ninh;

Theo hồ sơ xin gia hạn thuê đất của Công ty TNHH Thiện Ninh; và đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1501/TTr-STNMT ngày 08 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho Công ty TNHH Thiện Ninh gia hạn thời hạn thuê đất để tiếp tục khai thác khoáng sản cát xây dựng tại mỏ cát Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

1. Diện tích cho thuê đất: 45.515 m² thuộc tờ địa chính số 11, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước.

(Vị trí, ranh giới, mốc giới đất được xác định theo tờ Trích lục bản đồ địa chính khu đất tỷ lệ 1/5000 do Văn phòng Đăng ký đất đai Ninh Thuận lập ngày 02/4/2024, kèm theo Quyết định này)

2. Thời hạn gia hạn cho thuê đất: Đến hết ngày 28/3/2025 (theo Giấy phép số 17/GP-UBND ngày 28/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

3. Thời điểm tính tiền thuê đất: Tính từ ngày 04/4/2024 (ngày tiếp theo ngày Công ty TNHH Thiện Ninh hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo xác nhận Chi cục Thuế khu vực Ninh Phước - Thuận Nam tại Thông báo số 869/TB-CCTKV ngày 04/4/2024).

4. Hình thức thuê đất: Trả tiền thuê đất hàng năm.

5. Đơn giá thuê đất: Do Cục thuế tỉnh xác định theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, các cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước, Ủy ban nhân dân xã Phước Sơn tổ chức xác định phạm vi, ranh giới và bàn giao đất tại thực địa cho Công ty TNHH Thiện Ninh.

- Ký Hợp đồng thuê đất với Công ty TNHH Thiện Ninh theo quy định.

- Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai Ninh Thuận chuyển thông tin địa chính cho Cục thuế tỉnh để xác định giá đất cho thuê; thực hiện cập nhật, chỉnh lý biến động đất đai tại hồ sơ địa chính theo quy định.

2. Giao Cục thuế tỉnh xác định giá đất cho thuê và thông báo bằng văn bản cho Công ty TNHH Thiện Ninh, đồng thời chuyển cho Sở Tài nguyên và Môi trường để ký Hợp đồng thuê đất.

3. Công ty TNHH Thiện Ninh có trách nhiệm:

- Ký Hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định pháp luật.

- Triển khai việc khai thác theo đúng Giấy phép đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp. Trường hợp vi phạm, nhà đầu tư sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về đất đai, khoáng sản.

- Được hưởng quyền lợi, cũng như phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người được thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai hiện hành và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước, Ủy ban nhân dân xã Phước Sơn căn cứ chức năng nhiệm vụ thực hiện việc kiểm tra, hướng dẫn Công ty TNHH Thiện Ninh thực hiện đúng nội dung Quyết định này và các quy định khác của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phước Sơn, Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai Ninh Thuận, Giám đốc Công ty TNHH Thiện Ninh và Thủ trưởng cơ quan có chức năng liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- VPUB: LD, KTTH;
- Lưu: VT. TT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
Lê Huyền

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Số: 34 /HĐTD

Mẫu số 05
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ninh Thuận, ngày 14 tháng 5 năm 2024

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 46/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 17/GP-UBND ngày 28/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp cho Công ty TNHH Thiện Ninh;

Căn cứ Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 12/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc cho Công ty TNHH Thiện Ninh gia hạn thời hạn thuê đất để tiếp tục khai thác khoáng sản cát xây dựng tại mỏ cát Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

Hôm nay, ngày 14 tháng 5 năm 2024 tại Văn phòng sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận, chúng tôi gồm:

I. Bên cho thuê đất là Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Do ông **Hồ Xuân Ninh**, Giám đốc sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận làm đại diện.

- Địa chỉ trụ sở chính: Đường Nguyễn Đức Cảnh, phường Mỹ Hải, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.



II. Bên thuê đất là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thiện Ninh.

- Do bà **Trần Thị Phượng**, Giám đốc Công ty làm đại diện.

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Phước Thiện 3, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

- Tài khoản số:

III. Hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:

Điều 1. Bên cho thuê đất cho Bên thuê đất thuê khu đất như sau.

1. Khu đất có tích đất là 45.515 m² (Bốn mươi lăm nghìn năm trăm mười lăm mét vuông) tại xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước.

2. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ trích lục bản đồ địa chính tỷ lệ 1/5000 do Văn phòng Đăng ký đất đai Ninh Thuận lập ngày 02/4/2024, kèm theo;

3. Thời hạn thuê đất: Đến hết ngày 28/3/2025 (theo Giấy phép số 17/GP-UBND ngày 28/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh);

4. Mục đích sử dụng đất thuê: Khai thác khoáng sản cát xây dựng.

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Giá đất tính tiền thuê đất là 900 đồng/m²/năm, theo Thông báo số 1391/TB-CTNTH ngày 19/4/2024 của Cục thuế tỉnh về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước. Đơn giá này được ổn định kể từ ngày 04/4/2024 đến ngày 28/3/2025 (hết thời hạn thuê đất);

2. Tiền thuê đất được tính từ ngày 04/4/2024;

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: Trả tiền thuê đất hàng năm;

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Kho Bạc Nhà nước tỉnh Ninh Thuận (kê khai nộp tiền thuê đất do cơ quan thuế hướng dẫn).

5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất trên khu đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này và phù hợp với Quyết định thuê đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên:

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện Hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về Đất đai.

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp Bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho thuê đất biết ít nhất là 06 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

4. Các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận của các bên phải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

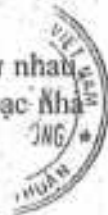
1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;
2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất đó chấp thuận;
3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc bị giải thể;
4. Bên thuê đất bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau mỗi Bên giữ 01 bản và gửi đến Cục thuế tỉnh Ninh Thuận 01 bản, Kho bạc Nhà nước tỉnh Ninh Thuận 01 bản.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.



BÊN THUÊ ĐẤT



Trần Thị Phương

BÊN CHO THUÊ ĐẤT



Hồ Xuân Ninh

Số: 01 /2024/BC-TN

Ninh Thuận, ngày 15 tháng 01 năm 2024

SỞ TÀI SẢN VÀ MÔI TRƯỜNG	KINH
NINH THUẬN	
ĐẾN	Số: 01/2024/BC-TN
Chuyên:	Ngày: 15/01/2024

gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác: CÔNG TY TNHH THIÊN NINH
2. Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn
3. Địa chỉ: Thôn Phước Thiện 3, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận
Điện thoại: 0259 3828679; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
- Họ và tên: Trần Thị Phương
- Năm sinh: 04/07/1992



II. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

II.1. Giấy phép khai thác khoáng sản số: 72/GP-UBND ngày 31/12/2022.

A. Thông tin về giấy phép khai thác khoáng sản

1. Loại khoáng sản được phép khai thác: cát xây dựng;
2. Cơ quan cấp phép: UBND tỉnh Ninh Thuận;
3. Diện tích khu vực khai thác: 4,5515 ha;
4. Phương pháp khai thác: lộ thiên;
5. Trữ lượng được phép khai thác:
- Trữ lượng khai thác: 48.342 m³;
6. Công suất được phép khai thác: 20.000 m³/năm.
7. Thời hạn giấy phép: đến ngày 31/12/2023
8. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản): 0 (VND);

9. Vị trí mỏ: Thôn Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận;

B. Hoạt động khai thác khoáng sản.

11. Tổng vốn đầu tư: 5.000.000.000 (VND);

12. Tổng tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản: 0 (VND).

13. Sản lượng khai thác khoáng sản theo thực tế trong năm báo cáo tính đến 31/12: 10.056 (m³);

14. Giá thành khai thác trung bình trong năm: 83.000 (VND/m³);

15. Hệ số tổn thất trong khai thác: thiết kế/thực tế: 20%;

16. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:

- Khối lượng, hàm lượng khoáng sản nguyên khai đưa vào chế biến: (tấn, m³);

- Khối lượng, hàm lượng khoáng sản sau chế biến: (tấn, m³);

- Khối lượng sản phẩm phụ thu hồi được: (tấn, m³);

17. Khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có):(tấn, m³);

18. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong năm: 8.259 (m³);

19. Tổng doanh thu: 2.634.621.000 (VND);

20. Nộp ngân sách Nhà nước: 38.507.094 (VND);

Trong đó: - Thuế Tài nguyên: Không (VND);

- Thuế xuất khẩu khoáng sản: Không (VND);

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản/tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản: Không (VND);

- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: Không (VND);

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Không (VND).

- Khác (nếu có): 7.500.000 (VND)

+ Tiền thuê đất: Không (VND)

+ Lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản: 7.500.000 (VND)

21. Tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản: Không (VND).

C. Thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản, sản lượng khoáng sản đã khai thác

22. Trữ lượng địa chất đã khai thác trong năm báo cáo tính đến 31/12/2022: 8.938 (m³)

Kính gửi : Sở Tài nguyên và Môi trường.

BÁO CÁO THỐNG KÊ, KIỂM KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN

I. Thông tin chung về khu vực khai thác khoáng sản

- Tên tổ chức được phép khai thác khoáng sản: CÔNG TY TNHH THIỆN NINH
- Địa chỉ: Thôn Phước Thiện 3, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.
- Đang khai thác khoáng sản tại: Mỏ cát xây dựng thôn Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy phép khai thác khoáng sản số: 72/GP-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2022 do Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp.
- Thời hạn khai thác đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.
- Diện tích khu vực đang khai thác: 4,5515 ha
- Phương pháp khai thác thực tế: Lộ thiên.

II. Kết quả xác định trữ lượng khoáng sản đã khai thác

- Số lượng moong/vị trí đang khai thác: 01
- Tổng khối lượng khoáng sản nguyên khai trong kỳ báo cáo (mới đưa ra khỏi trạng thái tự nhiên, trước khi vận chuyển về kho bãi tại của mỏ hoặc về khu vực tuyển tách/phân loại/làm giàu khoáng sản): 8.938 m³.
 - Tỷ lệ tổn thất khoáng sản thực tế (%): 20%
 - Tỷ lệ làm nghèo khoáng sản thực tế (%): Không
 - Hàm lượng trung bình thực tế của thành phần có ích (tính theo khoáng sản được phép khai thác) trong kỳ báo cáo: Không %.
- Tổng khối lượng khoáng sản thu hồi được sau tuyển tách/phân loại/làm giàu khoáng sản trong kỳ báo cáo: 8,938 m³.
 - Hệ số thực thu trong quá trình tuyển tách/phân loại/làm giàu: Không
- Tổng khối lượng đất đá thải trong kỳ báo cáo: 1.787 % m³
- Hệ số bóc trung bình thực tế: 2 %

III. Kết quả thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, trữ lượng khoáng sản còn lại

- Tổng trữ lượng khoáng sản đã khai thác (được quy đổi từ khối lượng khoáng sản nguyên khai đã khai thác trong năm báo cáo về trữ lượng khoáng sản địa chất): 8.938 m³. (được quy đổi từ sản lượng khai thác nguyên khai là 10,055 m³ với hệ số nở rời 1,125).
- Thông tin thay đổi (tăng/giảm) trữ lượng khoáng sản theo kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng tính đến thời điểm thống kê, kiểm kê/hoặc số liệu thực tế khai thác tại mỏ trong kỳ báo cáo: 0

PHỤ LỤC 1.2
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

CÔNG TY TNHH ITV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Tầng 4, Số 236 - Võ Nguyên Giáp - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 0932.492.499 Email: phongphanthich236@gmail.com VILAS-499 VIMCERTS 004

TN & MT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: M826-BH130922

- Tên khách hàng: Công ty TNHH Việt Trung
- Địa chỉ: Thôn Lạc Sơn 3, xã Cà Ná, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận
- Vị trí đo, lấy mẫu: Mỏ cát Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận:
+ Cách điểm khai thác 20m về phía thượng nguồn.
Tọa độ: X(m)= 1285756, Y(m)= 568059.
+ Cách điểm khai thác 20m về phía hạ nguồn.
Tọa độ: X(m)= 1285856, Y(m)= 568841.
- Ngày lấy mẫu/nhận mẫu: 07/6/2022 + 08/6/2022
- Ngày phân tích: 08/6/2022 + 15/6/2022
- Loại mẫu: Nước Số lượng mẫu: 02
- Ký hiệu mẫu: M_{CPT1}, M_{CPT2}

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả		QCVN 08 Cột B ₁
				M _{CPT1}	M _{CPT2}	
1.	pH [*]	-	TCVN 6492:2017	6,8	6,9	5,5 - 9
2.	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	23,5	25,5	50
3.	BOD ₅	mg/l	SMEWW 5210B:2017	7,8	8,6	15
4.	Dầu mỡ	mg/l	SMEWW 5220B:2017	<0,3	<0,3	1
5.	Coliform	VK/100ml	TCVN 6187-1:2019	120	140	7500

Ghi chú: QCVN 08-MT:2015/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt Cột B₁ dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B₂

Trưởng PTN

ThS: Trần Thị Thu Hằng

QA/QC

ThS: Nguyễn Thị Trang

Ngày 15 tháng 6 năm 2022

Chức danh



Phạm Anh Tuấn

Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm phân tích.	- Kết quả này không được sao chép nếu không được sự đồng ý của PTN
- (*) Kết quả đo tại hiện trường.	
- Sau 5 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.	



**CÔNG TY TNHH MTV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Tầng 4, Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 0932.492.499 Email: phongphanthich236@gmail.com VILAS 499 VIMCERTS 004

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: M2000-BH1191221

- Tên khách hàng: Công ty TNHH Thiện Ninh
- Địa chỉ: Thôn Phước Thiện 3, xã Phước Sơn, Huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.
- Vị trí đo, lấy mẫu: Mỏ cát Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận:
+ Cách điểm khai thác 20m về phía thượng nguồn.
Tọa độ: E = 108°52'33,4", N = 11°37'33,1"
+ Cách điểm khai thác 20m về phía hạ nguồn.
Tọa độ: E = 108°52'59,2", N = 11°37'36,3"
- Ngày lấy mẫu/nhận mẫu: 05/12/2022 + 06/12/2022
- Ngày phân tích: 06/12/2022 + 13/12/2022
- Loại mẫu: Nước Số lượng mẫu: 02
- Ký hiệu mẫu: M_{CPT1}, M_{CPT2}

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả		QCVN 08 Cột B ₁
				M _{CPT1}	M _{CPT2}	
1.	pH ^o	-	TCVN 6492:2017	6,9	7,2	5,5 - 9
2.	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	24,0	26,5	50
3.	BOD ₅	mg/l	SMEWW 5210B:2017	6,9	7,1	15
4.	Dầu mỡ	mg/l	SMEWW 5520B:2017	<0,3	<0,3	1
5.	Coliform	VK/100ml	TCVN 6187-1:2019	90	110	7500

Ghi chú: QCVN 08-MT:2015/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt

Cột B₁ dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B₂

P. Trưởng PTN

ThS: Nguyễn Thị Trang

QA/QC

CN: Bùi Thị Mai



Ngày 13 tháng 12 năm 2022

Giám đốc

Phạm Anh Tuấn

Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm phân tích.	- Kết quả này không được sao chép nếu không được sự đồng ý của PTN
- (*) Kết quả đo tại hiện trường.	
- Sau 5 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.	



TRUNG TÂM TƯ VẤN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Consultancy Center of O.S.H & Environmental Technology

Trụ sở : 286/8A Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, Tp.HCM

Điện Thoại : 028.38680842 - Fax: 028.38680869

Email : trungtamcoshet@gmail.com



Số : 571-06/23-3.50/ KQPT

Tp.HCM, ngày 29 tháng 06 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH THIÊN NINH MỎ CÁT PHƯỚC THIỆN 4

2/ Địa chỉ : Mỏ cát Phước Thiện 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận

3/ Thời gian lấy mẫu: 22/06/2023

4/ Loại mẫu : 571-06/23-3.50NMI.Nước mặt cách điểm khai thác 20m về phía thượng nguồn.

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 08-MT : 2015/BTNMT		Phương pháp phân tích
					B1	B2	
-	Lấy mẫu và bảo quản mẫu Nước mặt *	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5994:1995, TCVN 6663-6:2018
1	pH* (28,5°C)	-	6,75	2 +12,5	5,5-9	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
2	TSS**	mg/L	19	5,0	50	100	SMEWW 2540.D: 2017
3	BOD ₅ **	mg/L	7	1,0	15	25	TCVN 6001-1:2008
4	Tổng dầu, mỡ*	mg/L	KPH	0,29	1	1	SMEWW 5520.B:2017
5	Coliform*	MPN/100mL	3.800	2	7.500	10.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

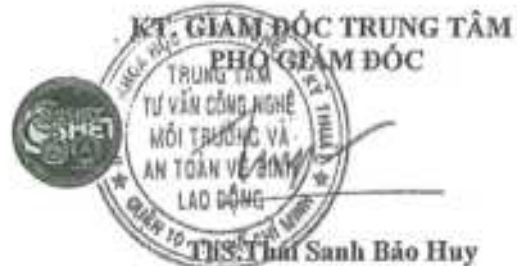
() : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận*

*(**) : Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận*

KPH: Không phát hiện (< MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**


Quách Văn Duy



Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

BM02-TT17, LÀN BH 02; SĐ 03 (NGÀY BH, SĐ: 29/01/2021)

Số : 1306-12/23-2.8/ KQPT

Tp.HCM, ngày 18 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH THIÊN NINH MỎ CÁT PHƯỚC THIÊN 4

2/ Địa chỉ : Mỏ cát Phước Thiên 4, xã Phước Sơn, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận

3/ Thời gian lấy mẫu: 11/12/2023

4/ Loại mẫu : 1306-12/23-2.8NMI.Nước mặt cách điểm khai thác 20m về phía thượng nguồn.

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC MẶT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 08: 2023/BTNMT		Phương pháp phân tích
					Mức C Bảng 2	Mức D Bảng 2	
-	Lấy và bảo quản mẫu Nước mặt*	-	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 5994:1995, TCVN 6663-6:2018, TCVN 6663-4:2018
-	Lấy và bảo quản mẫu vi sinh*	-	-	-	-	-	TCVN 8880:2011
1	pH*(27,4 ⁰ C)	-	6,91	2+12	6,0 – 8,5	< 6,0 hoặc > 8,5	TCVN 6492:2011
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/L	26	1,5	> 100 và không có rác nổi	> 100 và có rác nổi	SMEWW 2540.D:2023
3	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)*	mg/L	9	1,0	≤ 10	> 10	TCVN 6001-1:2021
4	Tổng dầu, mỡ*	mg/L	KPH	0,30	5,0 ^(d)	5,0 ^(d)	SMEWW 5520.B:2023
5	Coliform*	MPN/100mL	2.700	2	≤ 7.500	> 7.500	SMEWW 9221.B:2023

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*) : Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**) : Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận

(d) : QCVN 08:2023/ BTNMT - Bảng 1. Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người

KPH: Không phát hiện (< MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẠC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy

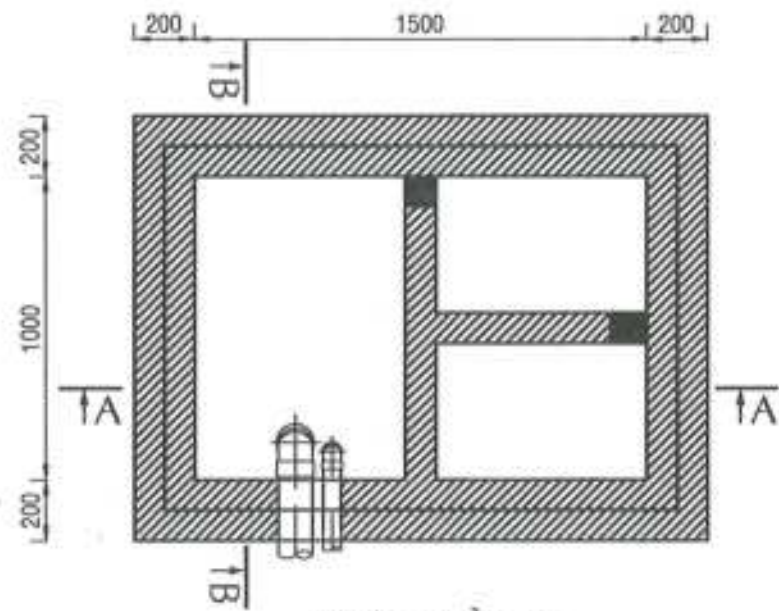


ThS.Thái Sanh Bảo Huy

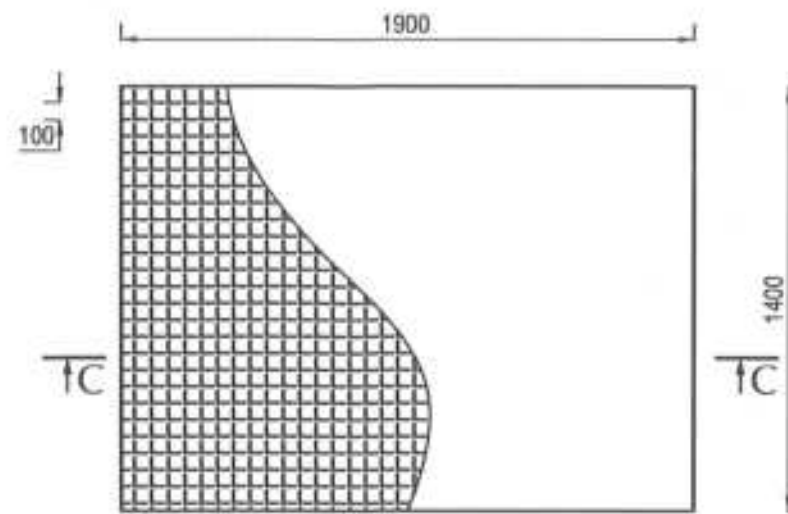
Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

BM02-TT17. LÀN BH 02; SD 03 (NGÀY BH, SD: 29/01/2021)

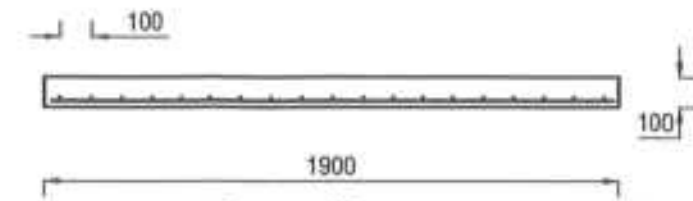
PHỤ LỤC 1.3
BẢN VẼ CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



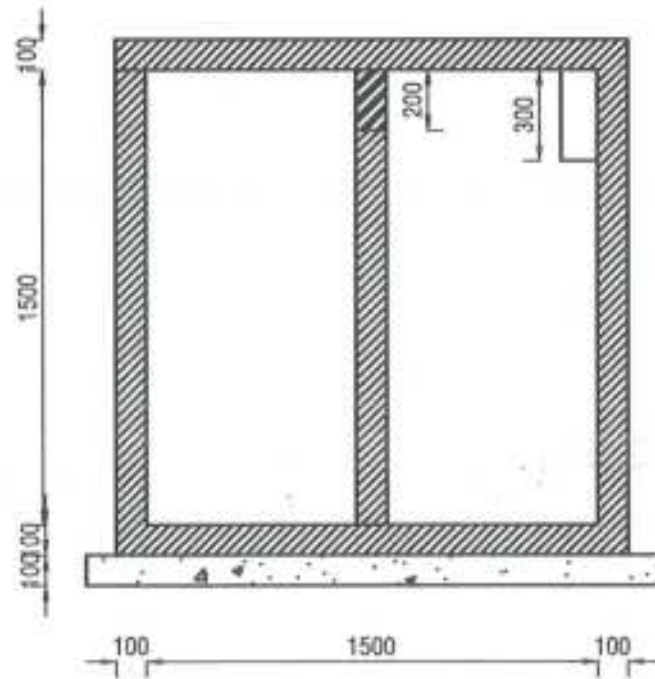
MẶT BẰNG



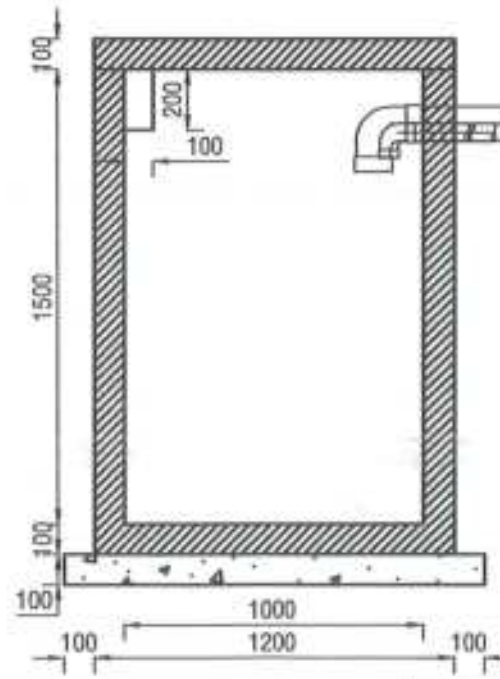
TẦM ĐÀN



MẶT CẮT C-C

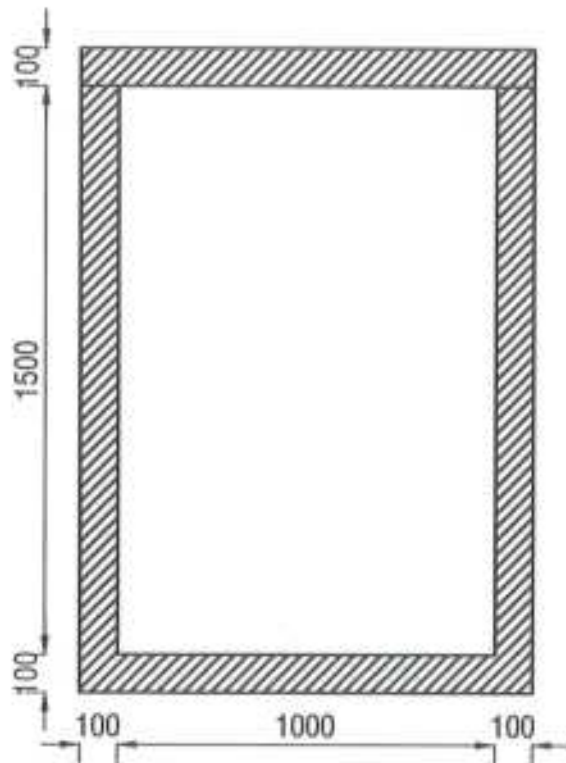


MẶT CẮT A-A

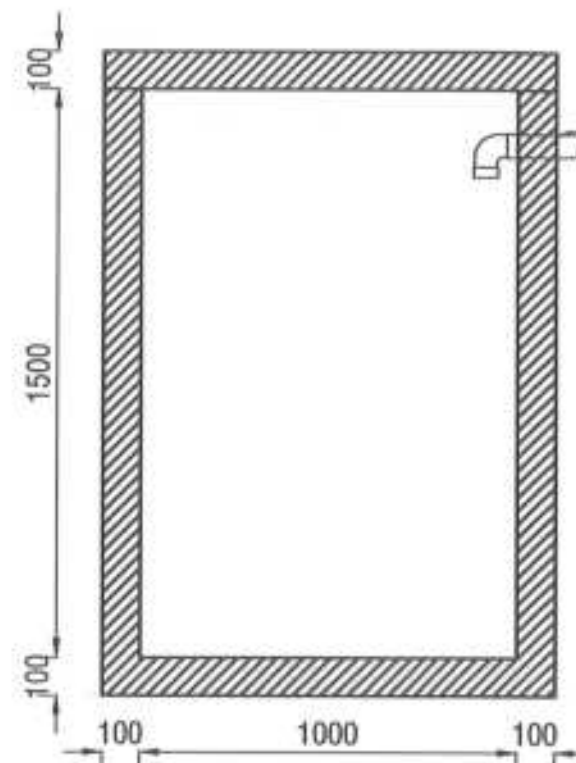


MẶT CẮT B-B

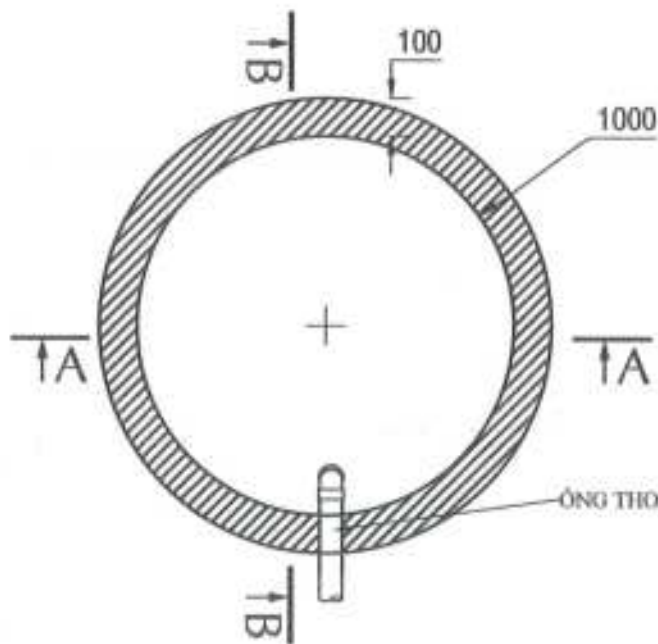
<p>CÔNG TY TNHH THIÊN NINH THÔN PHƯỚC THIÊN 3, XÃ PHƯỚC SƠN, HUYỆN NINH PHƯỚC, TỈNH NINH THUẬN</p>		<p>CƠ SỞ KHAI THÁC CÁT XÂY DỰNG TẠI MỎ CÁT PHƯỚC THIÊN 4, XÃ PHƯỚC SƠN, HUYỆN NINH PHƯỚC, TỈNH NINH THUẬN</p>	
<p>CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIÊN NINH</p> <p><i>Trần Thị Phương</i></p>		<p>BẢN VẼ BỂ TỰ HOẠI 3 NGĂN</p>	
		<p>TỶ LỆ 1/25</p>	<p>BV - BVHC HLT : THÁNG /2024.</p>



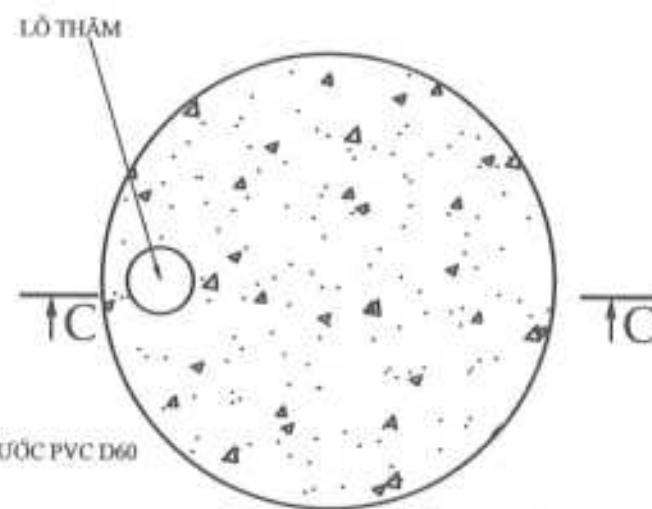
MẶT CẮT A-A



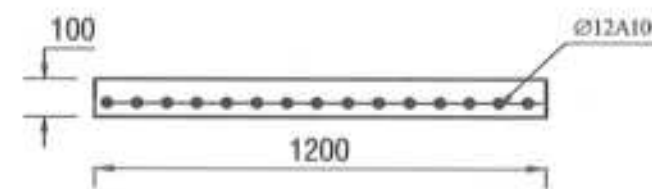
MẶT CẮT B-B



MẶT BẰNG

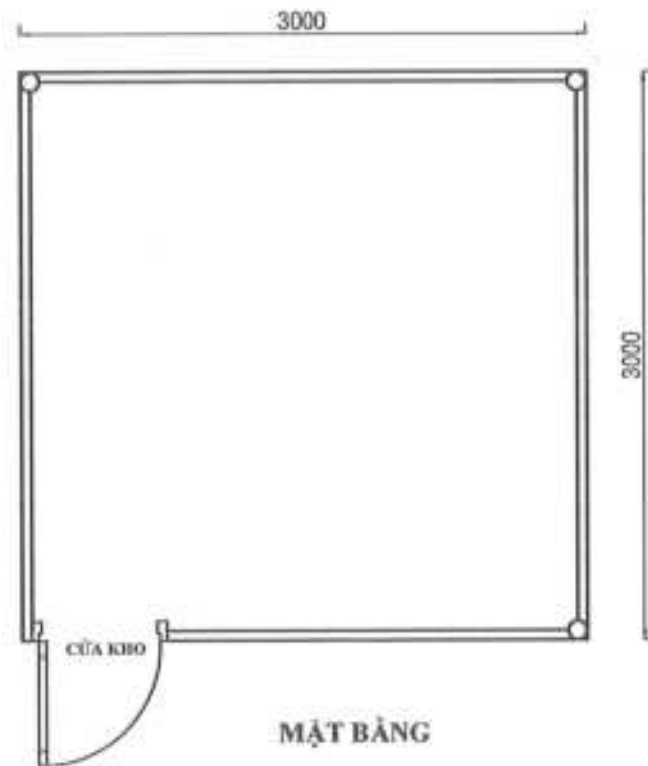
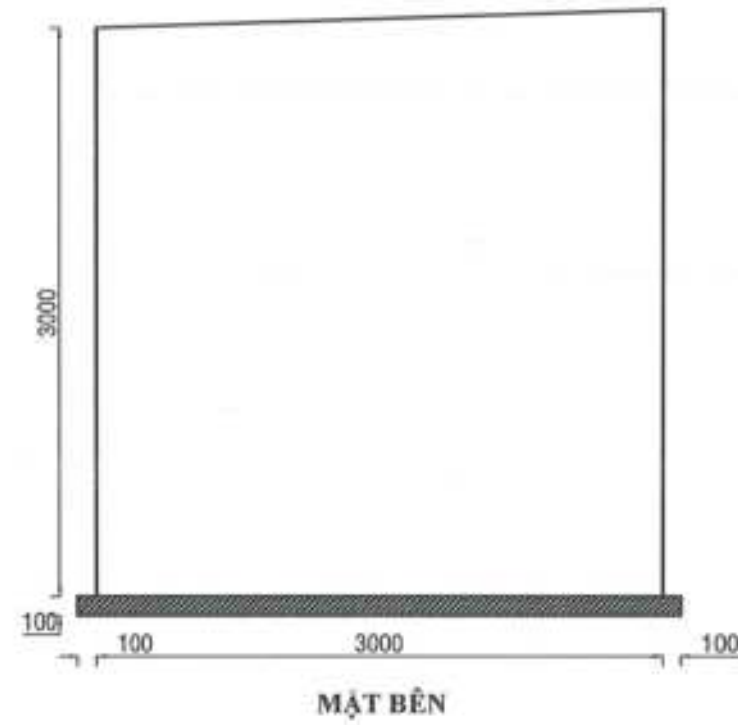
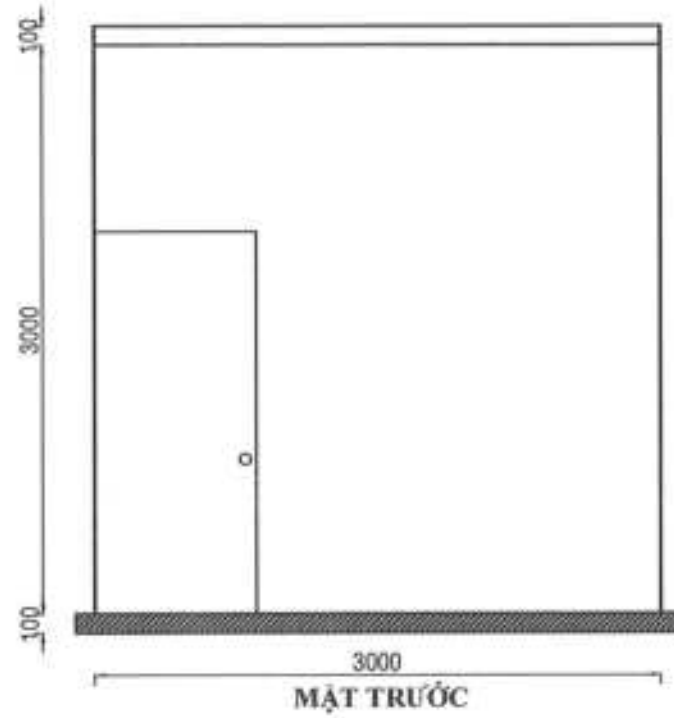


TẦM ĐẠN



MẶT CẮT C-C

<p>CÔNG TY TNHH THIÊN NINH THÔN PHƯỚC THIÊN 3, XÃ PHƯỚC SƠN, HUYỆN NINH PHƯỚC, TỈNH NINH THUẬN</p>		<p>CƠ SỞ KHAI THÁC CÁT XÂY DỰNG TẠI MỎ CÁT PHƯỚC THIÊN 4, XÃ PHƯỚC SƠN, HUYỆN NINH PHƯỚC, TỈNH NINH THUẬN</p>	
		<p>BẢN VẼ HỒ THU</p>	
		<p>TỶ LỆ 1/20</p>	<p>BV - BVHC H.T : THÁNG /2024.</p>



Kết cấu kho CTNH:

- Mái che tole;
- Tường vách tole;
- Nền xi măng chống thấm

CÔNG TY TNHH THIỆN NINH THÔN PHƯỚC THIỆN 3, XÃ PHƯỚC SƠN, HUYỆN NINH PHƯỚC, TỈNH NINH THUẬN		CƠ SỞ KHAI THÁC CÁT XÂY DỰNG TẠI MỎ CÁT PHƯỚC THIỆN 4, XÃ PHƯỚC SƠN, HUYỆN NINH PHƯỚC, TỈNH NINH THUẬN	
 <i>Trần Thị Phương</i>		BẢN VẼ KHO CHẤT THẢI NGUY HẠI	
		TỶ LỆ 1/40	BV - BVHC H.T: THÁNG /2024.